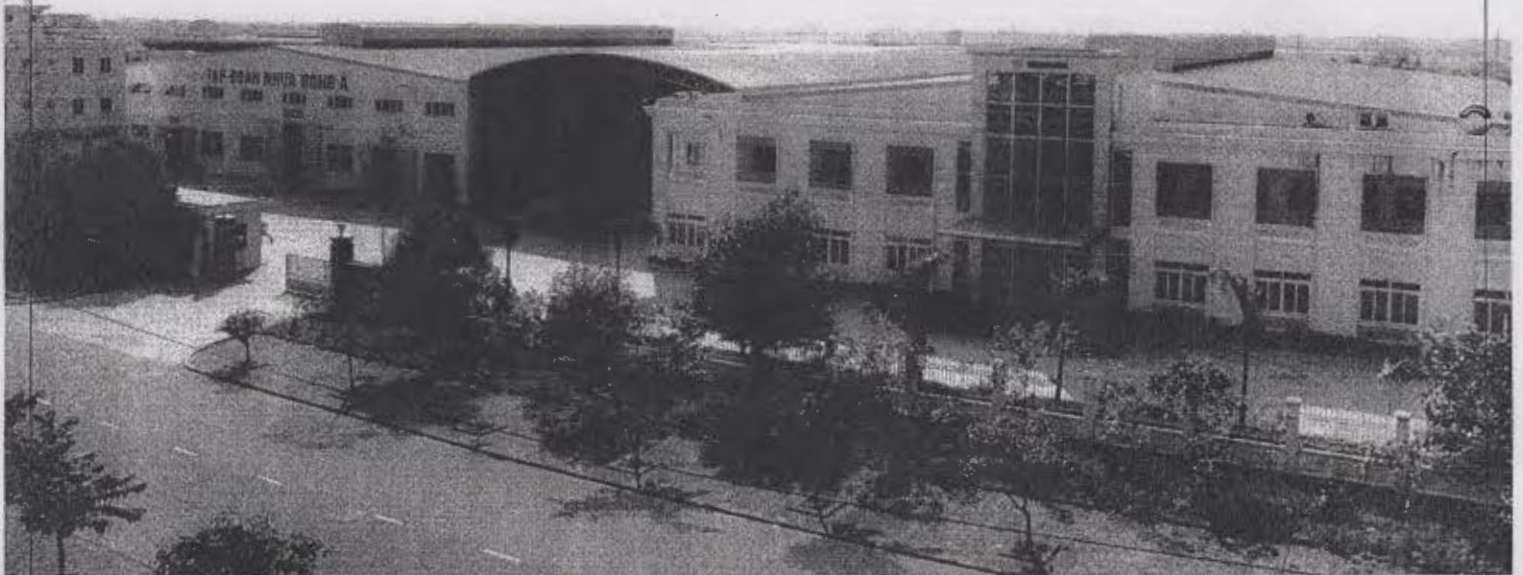


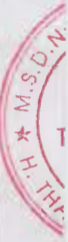


**DAG**  
TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013



Hà Nội, tháng 04/2014



## **GỬI TỚI KHÁCH HÀNG VÀ NGƯỜI TIÊU DÙNG**

DAG xin dành trọn những tình cảm chân thành, những ghi nhận sâu sắc đến toàn thể quý khách hàng và người tiêu dùng, những người đã cùng đồng hành với DAG suốt tháng ngày khó khăn vừa qua. Chính Quý vị là hạt nhân góp phần quyết định đến sự sống còn và phát triển của DAG ngày hôm nay.

DAG luôn hiểu rằng, đằng sau những bước đi thành công của mình, sự ủng hộ, sự tin cậy của toàn thể người tiêu dùng trong cả nước càng làm vững bước DAG trên con đường của mình đã lựa chọn. Mặc dù còn non trẻ, nhưng với hơn 10 năm liền, các sản phẩm của DAG luôn được người tiêu dùng bình chọn Hàng Việt Nam chất lượng cao, đã cho thấy tình cảm thủy chung mà quý khách hàng và người tiêu dùng đã ưu ái dành cho DAG

## **GỬI TỚI CÁC ĐỐI TÁC**

Xin ghi nhận và cảm ơn các nhà cung cấp, các ngân hàng, các đối tác khác. Các bạn đã luôn hỗ trợ, giúp đỡ DAG trong quá khứ, hiện tại và cả tương lai bằng tinh thần lắng nghe và thấu hiểu. Sự hợp tác cùng phát triển với các bạn vẫn là định hướng then chốt của DAG trong thời gian tới.

## **GỬI TỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG DƯỚI MÁI NHÀ CHUNG DAG**

Để có được thành quả ngày hôm nay, với các sản phẩm đặc biệt đạt chất lượng quốc tế mang thương hiệu DAG thì sự đóng góp của những người lao động mang tính chất quyết định.

Từ những giọt mồ hôi của người công nhân trực tiếp đứng máy, những mệt nhọc của người bốc vác kho hàng, những vất vả của lái xe, đến những tâm huyết của đội ngũ bán hàng, kinh doanh, những lo toan của đội ngũ cung ứng vật tư, những miệt mài của bộ phận kế toán cộng với những đam mê, trăn trở, toan tính của đội ngũ lãnh đạo công ty đã tạo dựng được thành công cho DAG. Từ đó, DAG cùng chung tay xây dựng mái nhà chung và vun đắp cho mỗi cá nhân trong đó một cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn, có ý nghĩa hơn.

## **GỬI TỚI CÁC BAN NGÀNH, CÁC PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG**

Xin gửi tới UBNDTP Hà Nội, Hiệp Hội Nhựa, Ủy ban chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Sở Công nghiệp thành phố Hà Nội, Hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam... Lời cảm ơn chân thành bởi những ủng hộ, những đóng góp, những hợp tác để DAG ngày càng hoàn thiện hơn, vững bước trên con đường phát triển bền vững.

Và để có được DAG ngày hôm nay, không thể quên và thầm cảm ơn công lao của các anh, chị em, phóng viên báo đài, các phương tiện thông tin đại chúng. Nhờ có các quý vị mà thương hiệu, sản phẩm, mã cổ phiếu DAG có cơ hội bay nhanh, bay xa hơn.



## LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG

### I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG

#### 1. Quá trình thành lập

Công ty cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á tiền thân của công ty là công ty TNHH thương mại sản xuất Nhựa Đông Á được thành lập theo giấy phép số 0102002000 được sở kế hoạch và đầu tư cấp ngày 16/02/2001.

Công ty chính thức chuyển đổi sang mô hình Công ty cổ phần theo giấy phép số 0103014564 được Sở kế hoạch và đầu tư cấp ngày 14/11/2006 đăng ký thay đổi lần thứ 6 vào ngày 08/05/2013.

#### 2. Quá trình phát triển

##### 2.1. Ngành nghề kinh doanh

Công ty cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á hoạt động kinh doanh chủ yếu trên lĩnh vực sản xuất các sản phẩm, vật liệu phục vụ trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất bằng nhựa:

- ❖ Sản xuất các sản phẩm, vật liệu phục vụ trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất;
- ❖ Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- ❖ Buôn bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, giao thông;
- ❖ Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hoá;
- ❖ Kinh doanh vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội ngoại thất;
- ❖ Kinh doanh bất động sản, nhà ở;
- ❖ Dịch vụ vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách;
- ❖ Kinh doanh phương tiện vận tải, thiết bị máy móc, phương tiện vận tải;
- ❖ Gia công cơ khí & Đầu tư xây dựng nhà ở;

##### 2.2. Tăng trưởng vốn

Với số vốn góp khiêm tốn ban đầu 2,5 tỷ đồng, đến nay, trải qua nhiều đợt tăng vốn, đến nay đã DAG có số vốn điều lệ là 137,5 tỷ đồng. Các công ty con DAG sở hữu 100% vốn.

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Hoạt động KD chính	Tỷ lệ SH
1	Công ty TNHH Nhựa Đông Á (NDA)	Khu CN Châu Sơn, Phú Lý, Hà Nam	Sản xuất các sản phẩm nhựa phục vụ trong xây dựng, trang trí nội ngoại thất như: hạt nhựa, cửa nhựa, tấm trần ốp, tấm pano, thanh Profile, bạt Hi-Flex, tấm PP Công nghiệp, Sản xuất tấm PS, tấm nhôm Composite, gioăng cao su...	100%
2	Công ty TNHH MTV SmartWindow Việt Nam (S.M.W)	Khu CN Ngọc Hồi Thanh Trì - HN	Cửa uPVC có lõi thép gia cường, cửa hợp kim nhôm- vách kính dựng giầu đồ nhãn hiệu Smartwindow đồng thời là nhà kho liên hoàn kinh doanh hàng sản xuất của Nhựa đông á hà nam và hàng nhập khẩu.	100%

3	Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đông Á (DAS)	Khu CN Tân Tạo, TP Hồ Chí Minh	Phân phối và nhập khẩu các sản phẩm nội ngoại thất trong xây dựng, quảng cáo do công ty Sản xuất. Sản xuất các sản phẩm cửa uPVC có lõi thép, cửa hợp kim nhôm vách kính dựng nhãn hiệu smartwindow	100%
---	--	--------------------------------------	--	------

- Đến năm 2015, dự kiến DAG sẽ có vốn điều lệ là 250 tỷ đồng.

### 2.3. Số lượng công ty con và công ty liên kết

Ngày 14/11/2006, Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á chuyển đổi thành mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

Hiện nay, các công ty thành viên DAG vẫn không ngừng tăng trưởng đều đặn: công ty thành viên: Công ty TNHH Nhựa Đông Á (NDA), Công ty TNHH MTV SmartWindow Việt Nam (SMW), Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đông Á (DAS).

Trong năm 2013, mức lạm phát tăng, kinh tế rất khó khăn nên DAG xác định trong giai đoạn này cần tập trung đẩy mạnh, giữ vững những sản phẩm mũi nhọn của mình như: thanh profile, tấm nhôm composite, mica,...

### 2.4. Niêm yết cổ phiếu lần đầu tiên.

Ngày 08/04/2010, cổ phiếu của Công ty với Mã chứng khoán "DAG" đã chính thức được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh theo Quyết định số 41/QĐ-SGDHCM ngày 01 tháng 03 năm 2010, với số lượng niêm yết là: 10.000.000 cổ phiếu.

Sự kiện đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM, minh chứng cho Công ty Cổ Phần Tập đoàn Nhựa Đông Á đã vươn lên một tầm cao mới, khẳng định sự phát triển ổn định và bền vững trong bối cảnh các doanh nghiệp Việt Nam vừa tiếp cận một sân chơi rộng lớn và đầy tính cạnh tranh khốc liệt của tiến trình hội nhập WTO. Đây chính là thước đo giá trị những thành quả đạt được của DAG trong 10 năm qua.

### 2.5. Áp dụng tiêu chuẩn ISO

DAG áp dụng hệ thống quản lý chất lượng toàn diện TQM và đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 với phương châm:

"Uy tín khởi nguồn từ chất lượng" đảm bảo quyền lợi và cam kết mang lại sản phẩm đạt tiêu chuẩn tốt nhất đến người tiêu dùng.

## II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### 1. Định hướng đến 2015

- Bằng các tiền đề sẵn có, DAG chủ trương tái cấu trúc toàn diện nhằm đạt chuẩn về tổ chức mô hình quản lý theo hướng Tập đoàn tư nhân đa ngành - đa nghề nhưng vẫn đảm bảo chuyên sâu ngành nghề hoạt động sản xuất đến 2015.

- Hướng tới giao toàn quyền chủ động sản xuất kinh doanh cho các Công ty thành viên và tách Văn phòng Tập đoàn trở thành tổ chức đầu tư/quản lý vốn, tài chính chuyên nghiệp - hiệu quả.

- Tiếp tục nâng cao các hoạt động tìm kiếm cơ hội đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh các sản phẩm mới trong thời kỳ hội nhập, đặc biệt tăng cường hoạt động xuất khẩu những sản phẩm chủ lực của công ty.
- Đến năm 2015, DAG sẽ có số vốn điều lệ đạt 250 tỷ đồng, thực hiện các đợt tăng vốn theo kế hoạch phát triển trung-dài hạn thông qua Đại hội đồng cổ đông; phát hành thêm thông qua thị trường chứng khoán Việt Nam.
- Hướng đến giá trị cốt lõi, DAG phấn đấu bằng hiệu quả của đầu tư, kinh doanh tạo dựng và gia tăng nhiều hơn cho cổ đông và đảm bảo cơ chế quản lý mở - minh bạch hoạt động, thông tin của một tổ chức niêm yết.
- Ổn định và gia tăng giá trị về mặt thời gian của thương hiệu DAG, tiếp tục triển khai các hoạt động kinh doanh, thị trường đồng bộ nhằm phủ đầy, phủ đầy thị trường, nắm giữ thị phần của khối các sản phẩm chủ lực.
- Tăng cường hệ thống hạ tầng, công nghệ thông tin trong quản lý – điều hành. Phấn đấu đến 2015, DAG sẽ đồng bộ hóa sử dụng các phần mềm đạt chuẩn quốc tế về quản lý nhằm đưa hoạt động quản trị trực tuyến đến từng khâu, từng công đoạn tác nghiệp toàn Tập đoàn.
- Mở rộng nhiều hơn nữa các chính sách phúc lợi và văn hóa doanh nghiệp. DAG chủ trương hướng tới chia sẻ hiệu quả sản xuất – kinh doanh cho người lao động, xây dựng môi trường văn hóa đặc trưng và gia tăng các chính sách chăm lo nhiều hơn nữa đời sống vật chất/tinh thần cho CBCNV toàn Tập đoàn.

## 2. Tầm nhìn & Giá trị cốt lõi

### Sứ mệnh

- ❖ Phát triển bền vững, đem lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông.
- ❖ Tạo môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp, hiệu quả dưới mái nhà chung của DAG.
- ❖ Tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, uy tín và thân thiện với môi trường.

### Tầm nhìn

- ❖ Phát triển DAG thành một Công ty sản xuất vật liệu xây dựng - trang trí nội thất hàng đầu Việt nam và hướng tới tập đoàn kinh tế đa ngành, đa nghề dựa trên nền tảng phát triển bền vững.

### Giá trị cốt lõi

- ❖ Lấy khoa học kỹ thuật làm nền tảng.
- ❖ Lấy quản lý để mưu cầu hiệu quả.
- ❖ Lấy chất lượng để mưu cầu sinh tồn.
- ❖ Lấy uy tín để mưu cầu phát triển.

### Cam kết



- 
- ❖ **Đối với khách hàng:** Cung cấp những sản phẩm và dịch vụ về vật liệu phục vụ trong xây dựng cũng như các sản phẩm của Công ty đầu tư giúp khách hàng tối ưu hoá hiệu quả sử dụng.
  - ❖ **Đối với cổ đông:** Là một tổ chức kinh tế hoạt động bền vững và hiệu quả mang tới cho cổ đông lợi ích cao, đều đặn và dài hạn.
  - ❖ **Đối với cán bộ nhân viên:** Là ngôi nhà chung mang tới từng thành viên một cuộc sống sung túc, đầy đủ về kinh tế và tinh thần.
  - ❖ **Đối với cộng đồng và xã hội:** Là tổ chức có trách nhiệm xã hội, tích cực, chủ động tham gia vào các hoạt động cộng đồng, xã hội.
-

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 2013

### I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2013

Với vai trò quản trị của mình, Hội đồng Quản trị đã hoạt động rất tích cực và thường xuyên trao đổi đưa ra các quyết sách hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo đó, trong năm 2013, HĐQT đã tổ chức họp thường kỳ và đột xuất 05 phiên để tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm của DAG; tiến hành cơ cấu lại Ban Tổng giám đốc điều hành, các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động của mình trong các lĩnh vực quản lý chuyên biệt theo hướng đảm bảo tính tập trung. Các tiểu ban chuyên môn đã hoạt động tích cực trong năm qua và phát huy vai trò, giữ lịch sinh hoạt, báo cáo cho Chủ tịch HĐQT, tham gia, tham mưu nhiều ý kiến mang lại hiệu quả thiết thực.

Hội đồng quản trị Công ty đã tập trung làm việc theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của tập thể, cá nhân thành viên tuân thủ luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Pháp luật hiện hành. Bằng các hoạt động tích cực, Hội đồng quản trị đã kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động, xây dựng chiến lược và định hướng kinh doanh của năm, giữ ổn định sự phát triển của doanh nghiệp trong tình hình kinh tế biến động. Các cuộc họp HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ công ty, các biên bản, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, được lưu giữ theo đúng quy định. Tổng Giám đốc công ty do Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm nên việc triển khai thực hiện các nghị quyết của HĐQT, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông rất thuận lợi, đồng bộ, nhanh gọn và có hiệu quả. Đây là một trong ưu điểm giúp hoạt động quản trị công ty linh hoạt hơn, nhất quán hơn và triệt để hơn. Ngoài ra các thành viên độc lập không tham gia điều hành đã có nhiều ý kiến khách quan giúp HĐQT cân nhắc kỹ càng và ra quyết định chính xác.

Cụ thể trong năm, HĐQT đã tiến hành ban hành các nghị quyết, và nhiều quyết định hợp lý nhằm tăng cường hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư xây dựng cơ bản, giám sát hoạt động đối với Ban Tổng Giám đốc và các quyết định liên quan đến phương án chi trả cổ tức, thông qua định hướng chiến lược kinh doanh năm 2013, thống nhất việc bổ nhiệm và miễn nhiệm các chức danh quản lý chủ chốt của tập đoàn, thông qua thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013, và thống nhất tất cả nội dung tài liệu đại hội.

Ngoài hoạt động chính của mình, Hội đồng Quản trị đã sát cánh cùng Ban Tổng Giám đốc kịp thời đưa ra các quyết sách linh hoạt để đảm bảo mục tiêu “Phát triển bền vững” cho DAG. Cứ định kỳ 2 tuần một lần, HĐQT đều có cuộc họp với Ban Tổng Giám đốc và các thành viên khác thuộc Ban lãnh đạo nhằm nắm bắt các khó khăn và đưa ra các chỉ đạo kịp thời. Nhờ có sự hỗ trợ và giám sát chặt chẽ đó nên các vấn đề lớn, quan trọng, các phát sinh nghiệp vụ phức tạp thuộc chức trách thẩm



quyền của Ban Tổng giám đốc điều hành đều được HĐQT tham mưu đưa ra các giải pháp xử lý nhanh chóng, hiệu quả.

## II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2013

### 1. Kết quả sản xuất kinh doanh và tài chính 2013:

Mặc dù kế hoạch sản xuất – kinh doanh năm 2013 được thực hiện trong bối cảnh nền kinh tế phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do tác động bất lợi từ cuộc khủng hoảng - suy thoái kinh tế, chỉ số CPI trong năm tiếp tục tăng, kéo sức cầu mua sắm giảm đáng kể, thị trường bất động sản đóng băng khiến cho kinh doanh của nhóm sản phẩm vật liệu xây dựng như Thanh nhựa profile, cửa Smartwindow của công ty bị ảnh hưởng khá nhiều. Tuy nhiên, DAG đã hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế với 26,764 tỷ đồng, tương đương 107% kế hoạch, tăng 112% so với năm 2012. Hầu hết các Công ty con 100% vốn DAG đều hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao, đóng góp quan trọng vào thành quả sản xuất kinh doanh chung của toàn DAG. Vì thế, kết quả này là một sự nỗ lực hết mình của tập thể cán bộ nhân viên DAG dưới sự lãnh đạo của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế.

#### > Về tăng trưởng

Chỉ tiêu	2013	2012	Tỉ lệ
<b>ĐVT</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>%</b>
Doanh thu thuần hợp nhất	1.000,976	893,454	112
Lợi nhuận sau thuế	26,764	23,891	112

#### > So với kế hoạch năm 2013

Chỉ tiêu	Đạt được	Kế hoạch	Tỉ lệ
<b>ĐVT</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>%</b>
Doanh thu thuần hợp nhất	1.000,976	900	111,2
Lợi nhuận sau thuế	26,764	25	107

Trong điều kiện khó khăn, việc vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận ở mức cao và vượt kế hoạch chứng tỏ định hướng ổn định kinh doanh của HĐQT đưa ra là đúng đắn. Ngoài ra, đây cũng là minh chứng về việc khẳng định thị phần của các sản phẩm DAG trên thị trường cạnh tranh khốc liệt trong năm 2013.

## 2. Những kết quả khác đạt được trong năm

### 2.1. Hoàn thiện công tác tái cấu trúc

Sau một thời gian thí điểm tại các công ty, nhà máy thành viên, DAG đã triển khai chính thức mô hình tái cấu trúc bộ máy tổ chức của các công ty, nhà máy thành viên năm 2013 với mục tiêu đổi mới, nâng cao hiệu quả điều hành, phát huy tính chủ động sáng tạo của các đơn vị, hệ thống hóa các quy trình sản xuất kinh doanh, tiết kiệm chi phí hoạt động. Mô hình mới cũng sẽ hỗ trợ việc đánh giá năng lực cán bộ nhân viên DAG tốt hơn trong những năm tiếp theo.

### 2.2. Xây dựng thương hiệu và tăng cường công tác truyền thông:

Với các hoạt động marketing, quảng bá cùng với những chương trình ưu đãi hỗ trợ khách hàng, các hoạt động xã hội, thương hiệu DAG ngày càng gắn gũi và gắn bó hơn với các khách hàng. DAG cũng tăng cường công tác công bố thông tin về tình hình hoạt động của Công ty, đảm bảo tính kịp thời và minh bạch cho cổ đông, khách hàng và các cơ quan quản lý nhà nước. Uy tín của DAG đã được khách hàng và đối tác ghi nhận. Công tác truyền thông nội bộ cũng là điểm sáng trong năm 2013 của DAG khi các chương trình PR nội bộ được tổ chức thường xuyên với sự ủng hộ cao của Ban Lãnh đạo; đồng thời sự ra đời của Nội san “Người Đông Á” cũng đã góp phần gắn kết CBCNV DAG lại với nhau và mang các giá trị văn hóa doanh nghiệp của DAG lên một tầm cao mới.

### 2.3. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các Công ty, Nhà máy thành viên:

Nâng cao hiệu quả hoạt động; tiết kiệm chi phí điều hành, chi phí hoạt động của các Công ty, Nhà máy thành viên là một trong những đóng góp quan trọng vào thành công trong kết quả kinh doanh năm 2013 chính là việc Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện nghiêm túc chủ trương của HĐQT về việc nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới các Công ty, nhà máy thành viên và tiết kiệm chi phí, từng bước tiếp tục nâng cao năng suất lao động của toàn ngân hàng. Việc chỉ đạo và giám sát kế hoạch chi phí đầu tư, chi phí điều hành một cách nghiêm túc đã mang lại kết quả thiết thực.

### 2.4. Phát triển, mở rộng công tác kinh doanh; phát triển và nâng cao chất lượng sản phẩm/dịch vụ thu hút khách hàng:

Một trong những trọng tâm năm 2013 của DAG là phát triển, mở rộng mạng lưới các đại lý, các nhà phân phối và các đơn vị sản xuất trực tiếp tiêu thụ sản phẩm của DAG để gia tăng thị phần. Để làm được điều này, DAG đã nâng cao năng lực của đội ngũ kinh doanh, marketing và chăm sóc khách hàng; nâng cao chất lượng dịch vụ, chất lượng sản phẩm; đầu tư thêm dây chuyền, máy móc thiết bị hiện đại. Song song với đó, DAG còn tăng cường công tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm, công nghệ.

### 2.5. Về đầu tư xây dựng cơ bản

Trong năm 2013, về cơ bản các dự án đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty đã được triển khai theo định hướng thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2013, tình hình cụ thể như sau:

TT	Tên dự án	Vốn đầu tư (DK)	Đã đầu tư lũy kế đến 2013
		Tỷ đồng	Tỷ đồng
1	Dự án mở rộng năng lực và đầu tư Nhà máy Sản xuất thanh Profile và Nhà kho - dự kiến quý 3, năm 2014 hoàn thành tổng thể và đưa vào sử dụng.	47,9	23,04
2	Dây chuyền Profile	16,17	10,94
3	01 Dây chuyền PS Foam	1,2	1,08
4	Hệ thống máy trộn điện tử tự động (Giai đoạn 1 đã đầu tư là 13,7 tỷ đồng),	18,25	13,71
5	Hệ thống máy móc, thiết bị phụ trợ đi kèm máy: nén khí, máy lạnh,...	5	2,37

6	Hệ thống bơm và nghiền bột tự động của Đức	2,6	2,66
<b>Tổng mức đầu tư</b>		<b>91.12</b>	<b>53,8</b>

### III. KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG TRIỂN KHAI NĂM 2014

Năm 2013 khép lại với số liệu doanh thu/lợi nhuận đạt và vượt kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đề ra. Trên nhiều bình diện, các thành tựu mà DAG đạt được hoàn toàn cho thấy bức tranh khả quan cho các năm tài chính tiếp theo.

Năm 2013 được đánh giá là một năm khó khăn trong tăng trưởng và phát triển. Song, đó vừa là thách thức, và cũng vừa là cơ hội cho những dự tính khả thi. Để tiếp tục khẳng định vị thế của DAG trong năm 2014, HĐQT Công ty, đề ra kế hoạch và phương hướng triển khai trong năm tài chính 2014 như sau:

#### 1. Mục tiêu về kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2014

Năm 2014, nền kinh tế Việt Nam được dự báo và đã có những tín hiệu phục hồi rõ nét hơn để bước vào chu kỳ tăng trưởng mới, tuy nhiên ngành vật liệu xây dựng vẫn phải tiếp tục đối mặt với những khó khăn, thách thức hiện hữu bao gồm: thị trường bất động sản vẫn gần như đóng băng, tính thanh khoản của thị trường thấp, giá cả nguyên liệu đầu vào tăng, biên lợi nhuận giảm, cạnh tranh trong thị trường ngày càng khốc liệt,... Trong bối cảnh đó, DAG xác định mục tiêu cho năm tài chính 2014 là “Phát triển bền vững - Tăng trưởng hợp lý”.

Với mục tiêu và định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh như trên, kế hoạch doanh thu 2014 dự kiến như sau:

- ❖ Doanh thu : 992 tỷ đồng
- ❖ Lợi nhuận sau thuế : 12,5 tỷ đồng
- ❖ Tỷ lệ chi trả cổ tức : 80% lợi nhuận sau thuế.

Trong quá trình thực hiện, tùy theo điều kiện thị trường và kinh tế, các chỉ tiêu này có thể sẽ được HĐQT DAG điều chỉnh sao cho phù hợp.

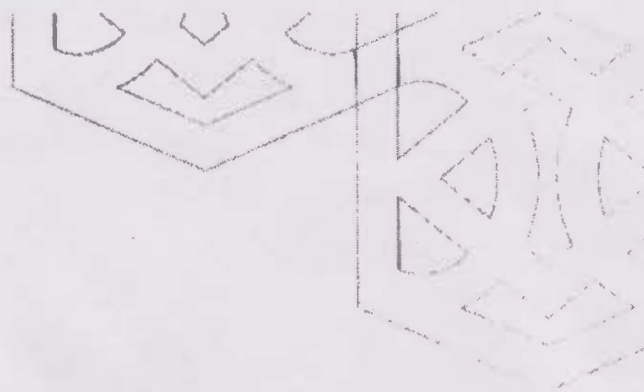
#### 2. Các mục tiêu khác

- **Về vị thế của DAG:** Tiếp tục triển khai Chiến lược phát triển DAG giai đoạn 2011-2016, quyết tâm đưa DAG phát triển trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong ngành vật liệu nhựa công nghiệp phục vụ cho lĩnh vực xây dựng, quảng cáo và trang trí nội ngoại thất.
- **Về tăng vốn:** Thực hiện tăng vốn theo kế hoạch phát triển, tăng 52,5 tỷ đồng bao gồm cả 5% cổ tức năm 2013 chi trả cổ phiếu nâng Tổng vốn điều lệ lên 190 tỷ đồng. Thúc đẩy việc tìm kiếm đối tác cổ đông chiến lược hỗ trợ DAG trong việc hoạch định phát triển, hỗ trợ phát triển.
- **Về cấu trúc bộ máy:** Tiếp tục chương trình tái cấu trúc bộ máy tổ chức của các công ty, nhà máy thành viên hướng đến phát huy toàn vẹn các thế mạnh của DAG kết hợp với việc hoàn

thiện hơn nữa tính hệ thống trong mọi hoạt động của DAG nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của DAG so với mặt bằng chung của toàn ngành.

- **Về chiến lược kinh doanh:** Tiếp tục đẩy mạnh mọi hoạt động kinh doanh, trong đó tập trung chỉ đạo triển khai có hiệu quả chiến lược phát triển, mở rộng mạng lưới các đại lý, các nhà phân phối và các đơn vị sản xuất trực tiếp tiêu thụ sản phẩm của DAG để gia tăng thị phần. Điều hành chính sách giá, chính sách kinh doanh linh hoạt, phù hợp với tình hình của thị trường vốn, thị trường yếu tố đầu vào trong năm 2014 nhằm đạt được mục tiêu doanh thu và lợi nhuận toàn Tập đoàn;
- **Về nhân lực:** Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hoàn thiện chính sách nhân sự, chính sách phúc lợi và văn hóa doanh nghiệp theo chủ trương của DAG, chuyên nghiệp hóa công tác tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân sự có tính kế thừa, đặc biệt thực hiện công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý các cấp để chuẩn bị cho nhu cầu mở rộng và phát triển trong giai đoạn tiếp theo.
- **Về đầu tư – xây dựng:** Tiếp tục thực hiện đầu tư xây dựng hoàn thành hạ tầng và đưa vào hoạt động nhà máy mở rộng sản xuất Profile (Dự kiến quý 3 năm 2014), hệ thống nhà kho, hệ thống phụ trợ hạ tầng Nhà xưởng ... tại Khu công nghiệp Châu Sơn – Phú Lý - Hà Nam; đầu tư thêm máy móc thiết bị, trạm điện, hệ thống trộn điện tử hiện đại nhất Đông Nam ... với tổng mức đầu tư ước tính khoảng **45 tỷ đồng** nhằm quyết tâm làm chủ các công nghệ sản xuất để đạt hiệu quả cao.
- **Về sản xuất:** Duy trì ổn định sản xuất, tăng cường công tác bảo dưỡng, duy tu hệ thống máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất; khắc phục những tồn tại – yếu kém trong tác nghiệp tại các tại các Nhà máy và các phòng, ban, đơn vị khác thuộc Tập đoàn.
- **Về khoa học và công nghệ, chất lượng sản phẩm:** Đầu tư và tăng cường hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm, công nghệ, máy móc thiết bị tốt hơn nữa để đảm bảo tăng năng suất, chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm.
- **Về thương hiệu:** Sử dụng linh hoạt và đa dạng các phương tiện, các kênh thông tin đại chúng cho các hoạt động Marketing, PR hình ảnh của doanh nghiệp cũng như quảng bá nhãn hiệu của các sản phẩm của tập đoàn một cách sâu rộng, hiệu quả, phù hợp với tình hình tài chính của tập đoàn để nâng cao tỷ lệ nhận diện thương hiệu DAG, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của các sản phẩm Nhựa Đông Á - DAG.
- **Về cung ứng vật tư:** Tăng cường công tác duy trì, tìm kiếm các đơn vị cung cấp mới trong nước và nhập khẩu từ nước ngoài. Hoàn thiện quy chế, quy trình cung ứng vật tư toàn Tập đoàn để đảm bảo cung ứng đủ, nhanh, kịp thời nguồn nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ sản xuất.
- **Về xuất khẩu:** Thúc đẩy hoạt động xuất khẩu vào các thị trường mục tiêu các sản phẩm chủ lực như Tấm PP, Tấm Mica, Thanh nhựa Profile,... Doanh số xuất khẩu dự kiến tăng 150% so với năm 2013.

- **Về trách nhiệm xã hội và môi trường:** Tiếp tục duy trì các hoạt động xã hội, hoạt động thiện nguyện, hoạt động bảo vệ môi trường, xây dựng hình ảnh DAG thân thiện, hướng đến và có trách nhiệm với cộng đồng, với môi trường.



228  
TY  
ÂN  
INH  
GÁ  
TP

110  
ÔN  
Ồ  
ĐC  
Ô  
T

# BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH 2013

## I. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### 1. Khả năng sinh lời

Chỉ tiêu/	2013	2012
<b>ĐVT</b>	<b>%</b>	<b>%</b>
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần	2,7 tỷ	2,7%
Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản (ROA)	3,9 tỷ	4,0%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)	15%	13,7%

### 2. Khả năng thanh toán:

Chỉ tiêu/	2013	2012
<b>ĐVT</b>	<b>%</b>	<b>%</b>
Khả năng thanh toán hiện hành	98,1%	1,0
Khả năng thanh toán nhanh	39%	0,56

### 3. Giá trị sổ sách:

Chỉ tiêu/	2013	2012
<b>ĐVT</b>	<b>VND/cổ phiếu</b>	<b>VND/cổ phiếu</b>
Giá trị sổ sách	13750	12,660

### 4. Các chỉ tiêu về số lượng cổ phần trong năm 2013:

Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp: không thay đổi, cụ thể:

Cổ đông	Theo giấy chứng nhận ĐKKD		Vốn đã góp	
	VND	Tỷ lệ góp vốn	31/12/2013	01/01/2013
Cổ đông sáng lập	72.050.000.000	57,64%	79.255.000.000	72.050.000.000
Ông Nguyễn Bá Hùng	40.067.500.000	32,05%	44.074.250.000	40.067.500.000
Bà Nguyễn Thị Tính	165.000.000	0,13%	181.500.000	165.000.000
Công ty TNHH TMDV Hùng Phát	31.817.500.000	25,45%	34.999.250.000	31.817.500.000
Các cổ đông khác	52.950.000.000	42,36%	58.245.000.000	52.950.000.000
<b>Cộng</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>137.500.000.000</b>	<b>125.000.000.000</b>

**Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...):**

- Tổng cổ phiếu thường đang lưu hành: 13.750.000 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu quỹ: 21

☐ Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng.

**Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...):** 107 mệnh giá 500.000.000 (Năm trăm triệu đồng)

### Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn

Việc xác định cổ tức cho năm 2013 sẽ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014.

### 5. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013

Chỉ tiêu/	2013	Kế hoạch	Tỉ lệ
	Tỷ đồng	Tỷ đồng	%
<b>ĐVT</b>			
Doanh thu thuần	1.000	900	111
Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á	171	220	78
Công ty TNHH Nhựa Đông Á (NDA)	514	420	122
Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam (SMW)	255	170	150
Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á (DAS)	60	90	67
Lợi nhuận sau thuế	26 tỷ	25	104

#### ➤ So sánh với năm 2012

Chỉ tiêu	2013	2012	Tỉ lệ
<b>ĐVT</b>	Tỷ đồng	Tỷ đồng	%
Tổng tài sản	695,089	634,139	109
Doanh thu thuần hợp nhất	1.000,976	893,454	112
Lợi nhuận trước thuế	30,509	27,856	109
Lợi nhuận sau thuế	26,764	23,891	112
Tổng vốn chủ sở hữu	177,639	174,010	102

#### ➤ So với kế hoạch năm 2013

Chỉ tiêu	Đạt được	Kế hoạch	Tỉ lệ
<b>ĐVT</b>	Tỷ đồng	Tỷ đồng	%
Doanh thu thuần hợp nhất	1.000,976	900	111,2
Lợi nhuận sau thuế	26,764	25	107

### 6. Những thành tựu đạt được trong năm 2013

Trong năm 2013, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn Nhựa Đông Á đã đạt được những thành tựu nhất định chủ yếu dưới đây:

➤ **Công tác đầu tư thiết bị máy móc Xây dựng trong năm 2013:** Về cơ bản hoàn thành các dự án mở rộng năng lực và đầu tư Nhà máy Sản xuất thanh Profile và Nhà kho với tổng mức đầu tư lũy kế tính đến 31/12/2013 là 21,3 tỷ đồng - dự kiến quý 3, năm 2014 hoàn thành tổng thể và đưa vào sử dụng. Về máy móc thiết bị đã đầu tư hoàn thành 04 dây chuyền Profile (5,8 tỷ đồng), 01 Dây chuyền PS Foam (1,2 tỷ đồng), Hệ thống máy trộn điện tử tự động (Giai đoạn 1 đã đầu tư là 13,7 tỷ đồng), Hệ thống máy móc, thiết bị phụ trợ: nén khí, máy lạnh,... (2,5 tỷ đồng) và 01 Hệ thống băm và nghiền bột tự động của Đức (2,6 tỷ đồng) tại Nhà máy khu công nghiệp Châu Sơn - Hà Nam, đã đóng góp không nhỏ để đạt được doanh thu năm 2013. Trong năm 2014, công ty sẽ

tiếp tục đầu tư nâng cao hơn nữa năng lực sản xuất thanh profile, hệ thống máy trộn, hệ thống khuôn,...

- **Thương hiệu Nhựa Đông Á - DAG:** Ngày càng khẳng định vị thế trên thị trường với nhiều giải thưởng lớn có uy tín trong năm 2013 như: Hàng Việt nam chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn, Sao vàng đất Việt, Cúp , huy chương vàng cho sản phẩm Sea profile, bạt Hiflex tại triển lãm Quốc tế xây dựng Vietbuild. Bằng khen của UBND TP Hà Nội là đơn vị đi đầu về phong trào thi đua khối Doanh nghiệp. Bằng khen doanh nhân tiêu biểu của phòng Thương Mại và Công nghiệp Việt Nam tặng ông Nguyễn Bá Hùng.
- **Sản phẩm chủ lực:** Trong năm 2013, sản phẩm Thanh nhựa Profile của DAG được UBND Thành phố công nhận là Sản phẩm chủ lực của Thành phố.
- **Công tác quản trị Tập đoàn:** trong năm 2013, DAG tiếp tục đầu tư cải tiến và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, hệ thống hóa văn bản phục vụ cho hoạt động quản lý của Công ty không những phù hợp với tình hình thực tế tại doanh nghiệp, phù hợp với pháp luật mà còn điều chỉnh nhằm tạo nền tảng vững chắc, duy trì sự ổn định, bền vững và đáp ứng mọi sự thay đổi trong năm, định hướng của Hội đồng quản trị.
- **Công tác kế hoạch:** Về cơ bản, công tác kế hoạch trong năm 2013 tương đối phù hợp với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh. Các kế hoạch kinh doanh, sản xuất, kế hoạch vật tư, tài chính và nhân sự đã được thiết lập, xác định rõ ràng và triển khai thực hiện đồng bộ. Công tác lập kế hoạch sản xuất tại các Nhà máy được củng cố và đầu tư cả về mặt con người và thiết bị, phần mềm để ngày càng tối ưu hóa công tác lập kế hoạch.
- **Về công nợ:** phải thu trong ngắn hạn giảm 5% so với cuối năm 2013.
- **Hệ thống kho:** Tiếp tục được duy trì hoạt động quản lý theo hệ thống kho khép kín theo nguyên tắc nhập trước – xuất trước (FIFO), bên cạnh đó hàng tháng Ban PCCC cùng toàn thể cán bộ công nhân viên tổ chức tập huấn phòng cháy chữa cháy đảm bảo an toàn cho con người và hàng hóa.



**Những thành tích Công ty đạt được**

2002	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giải thưởng hàng Việt Nam chất lượng cao cho sản phẩm cửa nhựa.</li> <li>2. Các bằng khen của Sở công nghiệp, Thành phố Hà Nội, Hiệp hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam, Hiệp hội Nhựa Việt Nam.</li> </ol>
2003	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chứng nhận Hàng Việt Nam chất lượng cao phù hợp tiêu chuẩn.</li> <li>2. Đạt danh hiệu Doanh nghiệp trẻ xuất sắc.</li> </ol>



2004	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giải thưởng Hàng Việt Nam chất lượng cao.</li> <li>2. Giải thưởng Sao vàng đất việt.</li> <li>3. Giải thưởng Doanh nhân doanh nghiệp tiêu biểu.</li> <li>4. Giải Thương hiệu mạnh Việt Nam.</li> <li>5. Các Bằng khen của Sở công nghiệp, Thành phố Hà Nội, Hiệp hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam, Hiệp hội Nhựa Việt Nam</li> <li>6. Bằng khen của uỷ ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế.</li> </ol>
2005	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giải thưởng cúp vàng thương hiệu ngành xây dựng Việt Nam</li> <li>2. Các Bằng khen của Sở công nghiệp, Thành phố Hà Nội, Hiệp hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam, Hiệp hội Nhựa Việt Nam.</li> <li>3. Giải thưởng Quốc tế hàng Công nghiệp Việt Nam .</li> <li>4. Giải thưởng hàng Việt Nam Chất lượng cao.</li> <li>5. Giải Thương hiệu mạnh Việt Nam.</li> </ol>
2006 2006	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giải thưởng Sao vàng đất Việt.</li> <li>2. Giải thưởng Quốc tế hàng công nghiệp Việt Nam (Cúp vàng Vietbuild).</li> <li>3. Giải thưởng hàng Việt Nam chất lượng cao.</li> <li>4. Giải Thương hiệu mạnh Việt Nam.</li> <li>5. Cúp vàng thương hiệu sản phẩm uy tín hàng đầu Việt Nam.</li> <li>6. Doanh nghiệp trẻ Thăng Long.</li> <li>7. Cúp vàng của Bộ Khoa học và Công nghệ.</li> <li>8. Các bằng khen của Sở công nghiệp, Thành phố Hà Nội, Hiệp hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam, Hiệp hội Nhựa Việt Nam, bằng khen của UBND Thành phố Hà Nội, giải thưởng liên hiệp thanh niên VN.</li> </ol>
2007	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cúp vàng thương hiệu ngành xây dựng.</li> <li>2. Huy chương vàng hội chợ Quốc tế ngành xây dựng.</li> <li>3. Giải thưởng Quốc tế hàng Công nghiệp Việt Nam (Cúp vàng Vietbuild) dành cho thương hiệu.</li> <li>4. Các bằng khen của Sở công nghiệp, Thành phố Hà Nội, HH DN trẻ Việt Nam.</li> </ol>
2008	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giải Sao vàng đất việt.</li> <li>2. Thương hiệu mạnh.</li> <li>3. Cúp vàng thương hiệu mạnh.</li> </ol>
2009	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hàng Việt Nam chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn năm 2009.</li> <li>2. Thương hiệu mạnh Việt Nam.</li> <li>3. Bằng khen và cúp vàng giải thưởng thương hiệu kinh tế đối ngoại uy tín năm 2009.</li> </ol>
2010	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2010.</li> <li>2. Cúp vàng thương hiệu ngành xây dựng - Triển Lãm Vietbuild Hà Nội năm 2010</li> <li>3. Giải Sao vàng đất Việt 2010</li> <li>4. Thương hiệu chứng khoán uy tín năm 2010.</li> </ol>
2011	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hàng Việt Nam Chất lượng cao năm 2011</li> <li>2. Thương hiệu tiêu biểu ngành xây dựng</li> <li>3. Huy chương vàng sản phẩm cửa UPVC nhãn hiệu Smartwindow, thanh Seaprofile, tấm nhôm DAG- ALU.</li> <li>4. Cờ và bằng khen của UBND TP Hà Nội là đơn vị sản xuất về phong trào thi đua khối doanh nghiệp,</li> <li>5. Bằng khen của thủ tướng chính phủ.</li> </ol>

<b>2012</b>	1. Bằng khen Thủ tướng chính phủ, tặng cho ông Nguyễn Bá Hùng - Chủ tịch Tập đoàn Nhựa Đông Á. 2. Bằng khen Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội tặng cho Tập đoàn Nhựa Đông Á và Chủ tịch Nguyễn Bá Hùng 3. Cúp vàng Vtopbuild cho sản phẩm tấm ốp nhôm DAG Alu 4. Huy chương vàng cho sản phẩm tấm Mica và tấm PP 5. Chứng nhận " Gian hàng đẹp, quy mô, ấn tượng" do BTC triển lãm Quốc tế Vietbuild Tp. HCM tháng 9/2012 trao tặng.
<b>2013</b>	1. Sao vàng đất Việt 2. Hàng Việt Nam chất lượng cao 3. Cúp vàng Vietbuild 4. Khen thưởng của VCCI tặng Tổng Giám đốc công ty: Doanh nhân tiêu biểu khối doanh nghiệp địa phương

## II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN 2014

### 1 Mục tiêu cụ thể về kế hoạch doanh thu/lợi nhuận năm 2014

Dựa trên thành tựu đạt được và tốc độ tăng trưởng trong những năm qua Ban Tổng giám đốc toàn thể cán bộ công nhân viên quyết tâm thực hiện mục tiêu doanh thu và lợi nhuận năm 2014 trước Hội đồng quản trị như sau:

➤ Doanh thu: **992 tỷ đồng**, trong đó phân bổ:

<b>Đơn vị</b>	<b>Doanh thu</b>
<i>Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á</i>	<b>116 tỷ đồng</b>
<i>Công ty TNHH Nhựa Đông Á (NDA)</i>	<b>688 tỷ đồng</b>
<i>Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam (SMW)</i>	<b>138 tỷ đồng</b>
<i>Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á (DAS)</i>	<b>50 tỷ đồng</b>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>992 tỷ đồng</b>

➤ Lợi nhuận sau thuế: **12,5 tỷ đồng**.

### 2. Về mục tiêu chung

Mặc dù Chính phủ, cũng như giới chuyên gia đã có những góc nhìn tích cực từ đầu năm đối với sự tăng trưởng, tiềm năng của kinh tế Việt nam và thực tế đã có những dấu hiệu phục hồi rõ nét hơn để bước vào một chu kỳ tăng trưởng mới. Tuy nhiên, theo đánh giá của DAG, năm 2014 tiếp tục sẽ là một năm có rất nhiều khó khăn và còn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất lợi tác động đến kinh tế trong nước nói chung và các doanh nghiệp – trong đó có DAG nói riêng.

Nhận thức được điều đó, để thực hiện mục tiêu phát triển chung và kế hoạch doanh thu – lợi nhuận năm 2014, thay mặt Ban Tổng Giám đốc, tôi xin đề ra các biện pháp thực hiện như sau:

#### 2.1. Về chiến lược chung

- ❖ Quyết tâm thực hiện các biện pháp cải cách trong điều hành, quản lý sản xuất – kinh doanh và sử dụng nguồn lực nội tại thực hiện kế hoạch, chỉ tiêu về doanh thu để đạt 992 tỷ đồng mà Hội đồng quản trị Tập đoàn đặt ra;
- ❖ Triển khai thực hiện tăng vốn theo kế hoạch phát triển, tăng 52,5 tỷ đồng, bao gồm cả 5% cổ tức năm 2013 chi trả cổ phiếu nâng Tổng vốn điều lệ của DAG lên 190 tỷ đồng.
- ❖ Duy trì ổn định sản xuất; triển khai các chương trình, cải tiến hệ thống quản lý, hoạt động sản xuất; tiết kiệm chi phí, tăng sản lượng, giảm lãng phí trong sản xuất; khắc phục những tồn tại – yếu kém trong tác nghiệp tại các Phòng/ Ban, đơn vị;
- ❖ Trong năm 2014, Tập đoàn sẽ đầu tư thêm một số dự án với tổng mức đầu tư cả năm khoảng 45 tỷ đồng, cụ thể như sau:
  - Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ bản để hoàn thành tổng thể dự án và dự kiến quý 3 đưa vào sử dụng Nhà máy mở rộng sản xuất Profile và Nhà kho tại khu CN Châu Sơn – Phú Lý-Hà Nam với tổng mức đầu tư còn lại trong năm 2014 là 25 tỷ đồng;
  - Hệ thống máy trộn điện tử tự động (Giai đoạn 2, giá trị còn lại 4,5 tỷ đồng);
  - 03 dây chuyền Profile (5,23 tỷ đồng);
  - Hệ thống khuôn mới (2,5 tỷ đồng);
  - Hệ thống phụ trợ cơ sở hạ tầng cho Nhà xưởng, nhà kho (3 tỷ đồng);
  - Hệ thống máy phụ trợ đi kèm theo máy (2,6 tỷ đồng);
  - Dự kiến hệ thống trạm điện là 4 tỷ (năm 2014 là 2 tỷ)
  - Và một số hạng mục khác.
- ❖ Tiếp tục cải tiến và ổn định cơ cấu tổ chức; tăng cường công tác đào tạo nâng cao trình độ, tay nghề và kỹ năng của đội ngũ nhân sự của DAG.
- ❖ Tăng cường công tác, hoạt động Marketing, triển khai các công cụ Marketing/ PR hiệu quả nhằm làm tốt công tác nhận diện thương hiệu DAG và hỗ trợ kinh doanh tốt cho các nhãn hiệu sản phẩm của các Công ty thành viên. Nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của các sản phẩm Nhựa Đông Á - DAG và đồng bộ hóa hệ thống dịch vụ - chăm sóc khách hàng.
- ❖ Tăng cường việc mở rộng, phát triển hơn nữa mạng lưới tiêu thụ sản phẩm của DAG theo chiến lược phủ dày, phủ đầy tại các tỉnh thành khác trên cả nước.
- ❖ Hoạt động xuất khẩu vào các thị trường mục tiêu các sản phẩm chủ lực như bạt Hiflex, thanh nhựa profile, tấm PP công nghiệp, nhôm composite, tấm Mica với doanh thu kế hoạch tăng 215% so với năm 2013.
- ❖ Cải tiến và làm tốt công tác lập kế hoạch triển khai kinh doanh, cung ứng vật tư, sản xuất, tài chính, nhân sự,....
- ❖ Tiếp tục xây dựng, cải tiến các chính sách phúc lợi và văn hóa doanh nghiệp với chủ trương của DAG theo phương châm “Đoàn kết – Sáng tạo – Duy trì - Phát triển” và hướng tới chia

sẽ hiệu quả sản xuất – kinh doanh với Cán bộ, công nhân viên. Nhằm gia tăng các chính sách chăm lo thiết thực đến đời sống vật chất, tinh thần cho toàn thể cán bộ công nhân viên.

## **2.2. Về biện pháp cụ thể**

### **2.2.1. Đối với công ty Smartwindow Việt Nam**

- ❖ Tiếp tục duy trì chất lượng sản phẩm dịch vụ Smart window và Smart door trở thành nhãn hiệu top đầu trong ngành cửa nhựa lõi thép và cửa nhựa hợp kim nhôm tại Việt Nam. Tăng cường quan hệ khả năng tiếp cận đối với dự án trọng điểm của chủ đầu tư và các nhà thầu.
- ❖ Triển khai thực hiện thường xuyên hoạt động đào tạo nhân sự; đào tạo đa năng kiến thức, tay nghề, kỹ năng cho đội ngũ công nhân sản xuất và lắp đặt.

### **2.2.2. Đối với công ty Nhựa Đông Á (NDA)**

- ❖ Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, ổn định đội ngũ nhân sự quản lý; mở rộng các kênh tìm kiếm, tuyển dụng nhân sự tại Nhà máy Hà Nam gồm cả Nhân sự quản lý cấp trung cũng như công nhân sản xuất.
- ❖ Nâng cao năng lực của bộ phận công nghệ; bộ phận nghiên cứu – phát triển; bộ phận thí nghiệm để hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất, cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm, chất lượng nguyên vật liệu đầu vào.
- ❖ Tăng cường công tác duy tu, sửa chữa, vận hành hệ thống máy móc tốt tại Nhà máy.
- ❖ Đồng bộ hóa Hệ thống quản lý của các Công ty, nhà máy thành viên để đảm bảo tình kế thừa, thống nhất và xuyên suốt trong toàn Tập đoàn.
- ❖ Tăng cường mở rộng, phát triển các đại lý mới, đặc biệt đối với sản phẩm Nhôm composite, Mica, thanh nhựa Profile cũng như các sản phẩm khác và hướng các chính sách kích cầu, ưu đãi nhanh chóng đến các đại lý, khách hàng trong toàn hệ thống.
- ❖ Kịp thời đưa ra chính sách, giá kinh doanh linh hoạt, phù hợp với tình hình kinh tế thị trường.

### **2.2.3. Đối với công ty Nhựa Đông Á Sài Gòn (DAS)**

- ❖ Thực hiện chiến lược kinh doanh “DAG cung cấp các sản phẩm vật tư cửa (thanh Profile uPVC, gioăng, kim khí phụ kiện,...) cho các đơn vị sản xuất, đơn vị thực hiện dự án để họ trực tiếp thực hiện sản xuất cửa” và DAG có thể chuyển giao công nghệ và nhượng quyền thương mại các nhãn hiệu sản phẩm Smartwindows, Smartdoor.
- ❖ Mở rộng, phát triển hơn nữa mạng lưới phân phối trên toàn các tỉnh phía Nam nhằm nâng cao năng lực kinh doanh thương mại các sản phẩm do Công ty sản xuất và các sản phẩm thương mại khác.
- ❖ Tăng cường quảng bá hình ảnh, có chính sách kích cầu mạnh hơn (chính sách hậu mãi, tăng tỷ lệ chiết khấu, ưu đãi) để hỗ trợ cho hoạt động bán hàng của đội ngũ Kinh doanh.
- ❖ Thường xuyên đào tạo Cán bộ, công nhân viên, nâng cao tay nghề, trình độ, thực hiện đúng, chính xác, kịp thời quy trình của cả tập đoàn đã ban hành, nâng cao ý thức văn hoá doanh nghiệp.

#### 2.2.4. Các hoạt động khác;

- ❖ Tập trung đẩy mạnh hơn nữa công tác marketing, tạo tiền đề cho công tác phát triển mạng lưới kinh doanh toàn tập đoàn, tăng cường tham dự các hội chợ quảng bá sản phẩm. Phổ cập sâu rộng về chất lượng, tính năng sản phẩm, các chế độ, chính sách hậu mãi, dịch vụ sau bán hàng đến tận tay người tiêu dùng.
- ❖ Quyết tâm năm 2014 đạt được các giải thưởng quan trọng, tạo bề dày thế mạnh cho sản phẩm trong cạnh tranh như: Hàng Việt nam chất lượng cao năm 2014 do người tiêu dùng bình chọn, Sao vàng đất Việt, Thương hiệu tiêu biểu ngành xây dựng, đặc biệt là Huân chương lao động hạng ba của Nhà nước,....

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN

## Báo cáo tài chính hợp nhất

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty Tập đoàn Nhựa Đông Á trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính 2013.

#### Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH Thương mại sản xuất nhựa Đông Á được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 16/02/2001. Theo Biên bản họp Hội đồng thành viên số 158/BB-HĐTV -ĐA ngày 15/08/2006 và Quyết định số 190/QĐ-HĐTV -ĐA ngày 19/09/2006, Công ty TNHH Thương mại sản xuất nhựa Đông Á được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014564 ngày 14 tháng 11 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty đã có 06 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần sáu ngày 08 tháng 05 năm 2013 thì vốn điều lệ của Công ty là: **137.500.0000.000 VND** (Bằng chữ: Một trăm ba mươi bảy tỷ năm trăm triệu đồng).

Tên giao dịch quốc tế của Công ty: DONG A PLASTIC GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: Tập đoàn Đông Á

#### Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Khai thác muối; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác và thu gom than non; Khai thác quặng kim loại quý hiếm (trừ loại Nhà nước cấm);
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng aranium và quặng thorium (Chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Chỉ gồm có: Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê đất, cho thuê mặt bằng (doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo qui định của pháp luật);
- Kinh doanh nhà hàng, nhà nghỉ, khách sạn, dịch vụ du lịch sinh thái (Không bao gồm kinh doanh quán bar; phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Đầu tư, xây dựng nhà ở; Gia công cơ khí;

- Kinh doanh phương tiện vận tải; Thiết bị máy móc phương tiện vận tải;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách;
- Kinh doanh bất động sản, nhà ở (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội ngoại thất; Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Buôn bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, giao thông;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Kinh doanh các vật tư, thiết bị ngành nhựa và ngành điện công nghiệp, điện dân dụng;
- Sản xuất các sản phẩm, các vật liệu phục vụ trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất;

Địa chỉ: Lô 1 CN5 Khu Công nghiệp Ngọc Hồi – xã Ngọc Hồi – huyện Thanh Trì - Hà Nội

Tel: (04) 3689 1818 Fax: (04) 3686 1616

Văn phòng giao dịch: Tầng 9 tháp Tây tổ hợp đa năng 28 tầng làng quốc tế Thăng Long, Trần Đăng Ninh, Dịch Vọng, Cầu Giấy

Điện thoại: (04) 3793 8686 Fax: (04) 3793 8181

#### **Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2013 và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Bá Hùng	Chủ tịch HĐQT
Bà Trần Thị Lê Hải	Phó Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Tính	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Phú Thắng	Thành viên HĐQT (từ nhiệm ngày 30/07/2013)
Ông An Quang Hiếu	Thành viên HĐQT (bỏ nhiệm ngày 30/07/2013)
Ông Ito Junichi	Thành viên HĐQT (từ nhiệm: 31/01/2013; bổ nhiệm 25/04/2013)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Bà Trần Thị Lê Hải	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phú Thắng	Phó Tổng giám đốc (từ nhiệm ngày 31/10/2013)
Ông Nguyễn Việt Sơn	Phó Tổng giám đốc
Bà Mai Thu Hà	Kế toán trưởng (miễn nhiệm từ ngày 20/02/2013)
Bà Nguyễn Thị Châm	Kế toán trưởng (bỏ nhiệm từ ngày 20/02/2013)
Bà Nguyễn Thị Thảo	Kế toán trưởng (bỏ nhiệm từ ngày 19/07/2013)
Bà Phan Thị Lụa	Kế toán trưởng (bỏ nhiệm từ ngày 11/11/2013)

#### **Kiểm toán viên**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2013 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

**Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2013.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

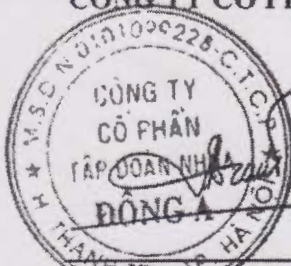
- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

*Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,*

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**



**Nguyễn Bá Hùng**

**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi : Các cổ đông**  
**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần tập đoàn Nhựa Đông Á được lập ngày 20 tháng 03 năm 2014 từ trang 07 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

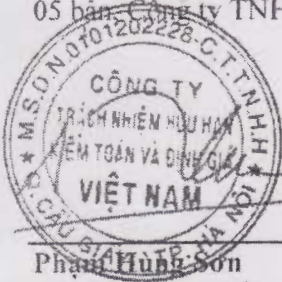
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính tích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Phạm Hùng Sơn

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1

Ngô Bá Duy

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Mẫu số B01 - DN/HN

Đơn vị tính:

VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>V.1.</b>	<b>507.526.754.472</b>	<b>459.145.691.283</b>
<i>I</i>	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>		<b>15.301.958.353</b>	<b>35.289.510.012</b>
1	Tiền	111		15.301.958.353	15.289.510.012
2	Các khoản tương đương tiền	112			20.000.000.000
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>154.975.783.083</b>	<b>171.463.271.125</b>
1	Phải thu của khách hàng	131		106.804.451.402	134.892.471.986
2	Trả trước cho người bán	132		46.626.149.373	33.572.857.086
5	Các khoản phải thu khác	135	V.2.	4.168.920.635	4.161.242.078
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.623.738.327)	(1.163.300.025)
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>333.603.836.119</b>	<b>249.363.962.819</b>
1	Hàng tồn kho	141	V.3.	333.603.836.119	249.363.962.819
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.645.176.917</b>	<b>3.028.947.327</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151			112.892.453
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.592.274.910	283.217.174
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4.	268.056.546	184.715.866
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		1.784.845.461	2.448.121.834
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>			
<i>I</i>	<i>Các khoản phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>			
4	Phải thu dài hạn khác	218			
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>169.919.776.125</b>	<b>157.686.851.617</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.5.	130.572.614.096	133.038.033.352
-	Nguyên giá	222		201.884.179.521	191.762.084.810
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(71.311.565.425)	(58.724.051.458)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.6.	22.057.860.448	15.236.526.238
-	Nguyên giá	225		27.544.066.051	18.598.400.232
-	Giá trị hao mòn lũy kế	226		(5.486.205.603)	(3.361.873.994)
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.7.		
-	Nguyên giá	228		387.972.800	407.819.466
-	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(387.972.800)	(407.819.466)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8.	17.289.301.581	9.412.292.027
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.9.</b>	<b>3.216.476.856</b>	<b>3.284.912.544</b>
-	Nguyên giá	241		3.421.783.900	3.421.783.900
-	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(205.307.044)	(136.871.356)
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>14.425.995.477</b>	<b>14.021.596.777</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.	13.749.886.689	13.861.786.777
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		26.700.788	
3.	Tài sản dài hạn khác	268		649.408.000	159.810.000
<b>VI</b>	<b>Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>270</b>		<b>695.089.002.930</b>	<b>934.139.052.220</b>



NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>517.449.072.462</b>	<b>460.128.796.300</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>434.570.951.147</b>	<b>369.375.692.737</b>
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11.	283.633.438.854	223.389.579.327
2	Phải trả người bán	312		54.911.823.335	94.137.619.902
3	Người mua trả tiền trước	313		61.166.610.422	29.244.904.579
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12.	6.656.971.485	8.112.741.606
5	Phải trả người lao động	315		2.041.394.801	1.649.314.394
6	Chi phí phải trả	316	V.13.	2.479.039.331	848.528.016
9	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14.	20.534.695.712	11.983.004.913
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		146.977.207	
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>82.878.121.318</b>	<b>90.753.103.563</b>
3	Phải trả dài hạn khác	333		105.000.000	105.000.000
4	Vay và nợ dài hạn	334	V.15.	82.707.225.591	87.406.107.700
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.16.		46.784.795
8	Doanh thu chưa thực hiện	338	V.17.	65.895.727	3.195.211.068
<b>B</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>177.639.930.465</b>	<b>174.010.255.920</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18.</b>	<b>177.639.930.465</b>	<b>174.010.255.920</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		137.500.000.000	137.500.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		4.050.000.000	4.050.000.000
4	Cổ phiếu quỹ	414		(210.000)	(210.000)
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		4.640.253.294	3.303.953.122
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		4.529.169.197	3.345.092.064
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.944.140.883	1.760.063.750
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		23.976.577.091	24.051.356.984
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
<b>C</b>	<b>LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>440</b>		<b>695.089.002.930</b>	<b>634.139.052.220</b>

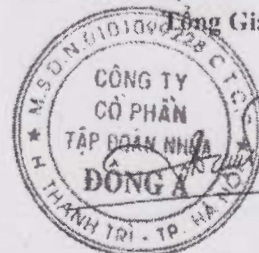
Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG A**

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Thủy

Phan Thị Lụa

Nguyễn Bá Hùng

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2013

(Mẫu số B02-DN/HN)

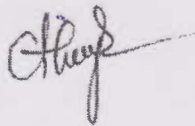
Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.19.	1.003.464.621.444	895.257.546.016
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.20.	2.488.197.246	1.802.952.977
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.21.	1.000.976.424.198	893.454.593.039
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.22.	905.804.958.543	791.533.978.578
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		95.171.465.656	101.920.614.461
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.23.	44.569.342	80.964.074
7 Chi phí tài chính	22	VI.24.	34.045.570.939	41.858.593.980
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		33.380.520.849	40.903.193.549
8 Chi phí bán hàng	24		14.213.799.232	18.669.081.420
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17.025.165.051	14.049.725.696
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29.931.499.775	27.424.177.439
11 Thu nhập khác	31		3.812.615.051	1.052.495.664
12 Chi phí khác	32		3.234.419.225	619.992.050
13 Lợi nhuận khác	40		578.195.826	432.503.614
14 Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45			
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		30.509.695.601	27.856.681.053
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		3.671.677.722	3.927.554.478
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		73.485.582	37.341.559
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		26.764.532.296	23.891.695.016
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61			
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		26.764.532.296	23.891.695.016
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.21	1.947	1.831

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

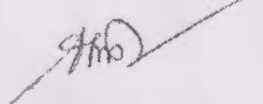
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Người lập

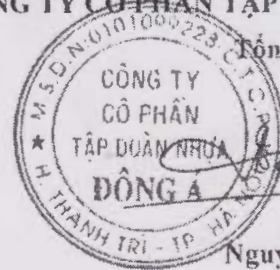


Nguyễn Thị Thu Thủy

Kế toán trưởng



Phan Thị Lụa



Tổng Giám đốc

Nguyễn Bá Hùng

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2013

Mẫu số B03 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.119.150.300.521	971.615.106.168
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.142.993.587.157)	(960.042.659.127)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(18.450.275.774)	(19.208.452.476)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(33.380.430.255)	(2.388.372.360)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(5.299.528.858)	(2.004.042.122)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		147.599.381.835	60.303.485.273
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(90.051.555.629)	(74.867.108.979)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(23.425.695.317)</b>	<b>(26.592.043.623)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(40.490.130.781)	(15.328.729.989)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			165.878.864
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		44.100.060	78.943.615
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(40.446.030.721)</b>	<b>(15.083.907.510)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		648.615.557.712	770.246.034.514
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(590.704.464.537)	(711.251.105.109)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(2.337.122.000)	(404.142.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.689.632.474)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>43.884.338.701</b>	<b>58.590.787.405</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(19.987.387.337)</b>	<b>16.914.836.272</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1.	35.289.510.012	18.374.220.991
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(164.323)	452.749
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1.</b>	<b>15.301.958.353</b>	<b>35.289.510.012</b>

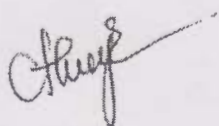
Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

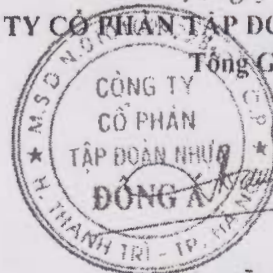
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐỒNG A

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Thu Thủy

Phan Thị Lệ

Nguyễn Bá Hùng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2013

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH Thương mại sản xuất nhựa Đông Á được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 16/02/2001. Theo Biên bản họp Hội đồng thành viên số 158/BB-HĐTV -ĐA ngày 15/08/2006 và Quyết định số 190/QĐ-HĐTV -ĐA ngày 19/09/2006, Công ty TNHH Thương mại sản xuất nhựa Đông Á được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014564 ngày 14 tháng 11 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty đã có 06 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 08 tháng 05 năm 2013 thì vốn điều lệ của Công ty là: 137.500.0000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm ba mươi bảy tỷ, năm trăm triệu đồng).

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại các mặt hàng sắt thép, kim khí xây dựng cơ bản và gia công sản xuất khung nhà và khung kho bằng thép, kết cấu thép.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh:

- Khai thác muối; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác và thu gom than non; Khai thác quặng kim loại quý hiếm (trừ loại Nhà nước cấm);
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng aranium và quặng thorium (Chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Chỉ gồm có: Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê đất, cho thuê mặt bằng (doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo qui định của pháp luật);
- Kinh doanh nhà hàng, nhà nghỉ, khách sạn, dịch vụ du lịch sinh thái (Không bao gồm kinh doanh quán bar; phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Đầu tư, xây dựng nhà ở; Gia công cơ khí;
- Kinh doanh phương tiện vận tải; Thiết bị máy móc phương tiện vận tải;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách;
- ┌ Kinh doanh bất động sản, nhà ở (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội ngoại thất; Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;

- Bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, giao thông;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Kinh doanh các vật tư, thiết bị ngành nhựa và ngành điện công nghiệp, điện dân dụng;
- Sản xuất các sản phẩm, các vật liệu phục vụ trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất;

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội

Tel: (04) 3689 1888 Fax: (04) 3686 1616

#### 4. Danh sách các Công ty con được hợp nhất:

- Số lượng công ty con: 03 công ty
- Số lượng công ty con được hợp nhất: 3 công ty

1	Công ty TNHH Nhựa Đông Á	Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn - Phú Lý - Hà Nam Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
2	Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	Địa chỉ: Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Xã Ngọc Hồi - Huyện Thanh Trì - Thành phố Hà Nội Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
3	Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đông Á	Địa chỉ: Lô số 36 - Đường Tân Tạo - Khu Công nghiệp Tân Tạo A - Quận Bình Tân - TP Hồ Chí Minh Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

## II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam “VND”, hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003 và chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT – BTC ngày 31/12/2009 của Bộ tài chính.

### 2. Áp dụng hướng dẫn kế toán

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh



thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 tại thuyết minh số V.27

### **3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

### **4. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

#### **Các công ty con**

Các công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát được hiểu là khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trực tiếp tại một công ty hoặc có khả năng trực tiếp khi chi phối các chính sách tài chính hay hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích kinh tế từ hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của các Công ty mà Công ty nắm giữ trực tiếp trên 50% vốn cổ phần trở lên tại ngày 31/12/2012. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với Công ty con và giữa các Công ty con với nhau đã được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm: giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định và trình bày riêng biệt trong mục "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số". Lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các Công ty con.

### **2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo hợp nhất, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định lại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế. Tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại công bố tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính theo thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập xuất.
- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** phương pháp kê khai thường xuyên.

### 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

#### 4.1 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03- Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 về việc hướng dẫn chế độ quản lý sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc thiết bị	3 - 7,5
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 5

#### 4.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán Effect và phần mềm quản lý.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định vô hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình.

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao &lt;năm&gt;</u>
Phần mềm kế toán Effect	4
Hệ thống quản lý ISO 9001	4

#### 4.3 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là xe ô tô và máy móc thiết bị, được ghi nhận là TSCĐ thuê tài chính theo hợp đồng thuê mua với Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease và Công ty CP Cho thuê tài chính NH Ngoại Thương, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 06 – Thuê tài sản. Quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê.

Các tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với các tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, cụ thể số năm trích khấu hao đối với từng nhóm tài sản như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Máy móc thiết bị	6
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6

#### 4.4 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư.

##### Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư và khấu hao

Bất động sản đầu tư của Công ty là quyền sử dụng đất lô đất có diện tích 960m<sup>2</sup> tại Khu công nghiệp Ngọc Hồi với nguyên giá là 3.421.783.900 VND do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp. Công ty thực hiện khấu hao Bất động sản đầu tư là 50 năm.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, kế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính.

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi phí:

Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm;

Quyền sử dụng đất có thời hạn.

#### **7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm: Khoản trích trước chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng đối với hợp đồng thuê mặt bằng Khu công nghiệp Châu Sơn – Hà Nam, giá trị ghi nhận được xác định dựa vào thời gian sử dụng và hợp đồng quy định; Chi phí phải trả thuê văn phòng,... được ghi nhận dựa trên hợp đồng kinh tế.

#### **8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### **9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán sản phẩm nhựa truyền thống (như tấm trần, các loại phào, nẹp, tấm cửa và khung bao), sản phẩm nhựa UPVC; doanh thu cung cấp dịch vụ thi công lắp đặt, Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi và doanh thu khác.

Doanh thu bán vật tư, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu cung cấp dịch vụ thi công lắp đặt được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

#### **10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

#### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

#### **12. Nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

##### **12.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

##### **12.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của đơn vị gồm chi phí xây dựng nhà máy tại khu công nghiệp Ngọc Hồi, hệ thống máy móc tại Hà Nam, nâng cấp hệ thống nhà xưởng và các dự án khác đang trong quá trình xây dựng được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

##### **12.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn**

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được công ty ghi nhận là vay dài hạn.

##### **12.4 Nguyên tắc trích lập dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi của công ty được lập cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán và các khoản phải thu của các tổ chức kinh tế đã bị phá sản và đang làm thủ tục giải thể, theo quy định tại thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

## 12.5 Các nghĩa vụ về thuế

### Thuế giá trị gia tăng (GTGT).

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất là 10% đối với các vật tư, sản phẩm, hàng hóa từ nhựa và 0% đối với các mặt hàng xuất khẩu.

### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi số 39/GCNUĐT ngày 30/03/2006 và giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 06221000006 ngày 12/10/2007 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp thì Công ty TNHH Nhựa Đông Á được hưởng thuế suất thuế TNDN là 15% trong thời hạn 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh, sau thời hạn trên thuế suất thuế TNDN là 25%; miễn 03 năm và giảm 50% cho 7 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Năm 2012 là năm thứ 6 Công ty TNHH Nhựa Đông Á hoạt động kinh doanh có lãi và giảm 50% trên thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 15%. Riêng đối với doanh thu từ hoạt động thương mại, Công ty TNHH Nhựa Đông Á áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế theo quy định hiện hành.

Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 25% trên lợi nhuận chịu thuế đối với phần thu nhập của hoạt động thuế.

Việc xác định thuế TNDN của công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

### Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

## 12.6 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Tiền mặt tài quỹ</b>	<b>51.178.537</b>	<b>227.326.349</b>
Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á	3.555.662	943.529
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	4.637.332	17.040.918



Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	3.180.100	55.741.230
Công ty TNHH một thành viên Nhựa Đông Á	39.805.443	153.600.672
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>15.250.779.816</b>	<b>15.062.183.663</b>
Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á	11.198.916.128	14.366.847.699
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	3.554.359.537	515.089.872
Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	490.127.305	18.566.480
Công ty TNHH một thành viên Nhựa Đông Á	7.376.846	161.679.612
<b>Các khoản tương đương tiền</b>		<b>20.000.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Quân đội		20.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.301.958.353</b>	<b>35.289.510.012</b>

## 2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
CT cho thuê tài chính NHTMCP Ngoại thương Việt Nam	677.044.321	976.514.798
Các đối tượng khác	3.434.396.754	2.942.597.819
Dư nợ TK 338	54.873.830	191.971.234
Dư nợ TK 334	2.605.730	50.158.227
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.168.920.635</b>	<b>4.161.242.078</b>

## 3. Hàng tồn kho

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Nguyên liệu, vật liệu	123.759.867.229	116.509.759.467
Công cụ, dụng cụ	1.867.870.978	1.277.775.045
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.809.949.073	17.389.099.416
Thành phẩm	10.210.226.807	12.982.277.499
Hàng hóa	183.955.062.457	101.204.191.817
Hàng gửi đi bán	859.575	859.575
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>333.603.839.119</b>	<b>249.363.962.819</b>

## 4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế GTGT	63.336.824	7.970.525
Thuế thu nhập doanh nghiệp	176.745.341	176.745.341
Thuế xuất nhập khẩu	27.974.381	
<b>Cộng</b>	<b>268.056.546</b>	<b>184.715.866</b>

**5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**
*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư ngày 01/01/2013	88.474.138.092	84.254.668.732	17.976.473.985	1.056.804.001	191.762.084.810
Mua trong năm		8.578.669.894		666.280.754	9.244.950.648
Đầu tư XDCB hoàn thành	5.097.820.548				5.097.820.548
Giảm do phân loại		(1.274.402.000)			(1.274.402.000)
Thanh lý, nhượng bán		(361.410.914)	(647.093.998)		(1.008.504.912)
Giảm khác	(63.244.309)	(1.535.647.980)		(338.877.284)	(1.937.769.573)
<b>Số dư ngày 31/12/2013</b>	<b>93.508.714.331</b>	<b>89.661.877.732</b>	<b>17.329.379.987</b>	<b>1.384.207.471</b>	<b>201.884.179.521</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư ngày 01/01/2013	12.982.643.735	34.800.665.891	10.023.955.134	916.786.698	58.724.051.458
Khấu hao trong năm	4.568.069.982	8.104.862.175	1.657.160.176	276.677.409	14.606.769.742
Tăng khác		336.470.036			336.470.036
Thanh lý, nhượng bán		(361.410.914)	(407.138.375)		(768.549.289)
Giảm khác	(17.282.502)	(1.235.644.532)		(334.249.488)	(1.587.176.522)
<b>Số dư ngày 31/12/2013</b>	<b>17.533.431.215</b>	<b>41.644.942.656</b>	<b>11.273.976.935</b>	<b>859.214.619</b>	<b>71.311.565.425</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư ngày 01/01/2013	75.491.494.357	49.454.002.841	7.952.518.851	140.017.303	133.038.033.352
Tại ngày 31/12/2013	75.975.283.116	48.016.935.076	6.055.403.052	524.992.852	130.572.614.096

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.188.048.637 đồng.



(\*) Giảm khác là những TSCĐ có nguyên giá dưới 30 triệu đồng được phân loại lại theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

#### 6. Tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư ngày 01/01/2013	18.598.400.232	18.598.400.232
Thuê tài chính tăng trong năm	7.671.263.819	7.671.263.819
Tăng khác	1.274.402.000	1.274.402.000
Số dư ngày 31/12/2013	27.544.066.051	27.544.066.051
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư ngày 01/01/2013	3.361.873.994	3.361.873.994
Khấu hao trong năm	2.460.801.645	2.460.801.645
Giảm khác	(336.470.036)	(336.470.036)
Số dư ngày 31/12/2013	5.486.205.603	5.486.205.603
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2013	15.236.526.238	15.236.526.238
Tại ngày 31/12/2013	22.057.860.448	22.057.860.448

#### 7. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Phần mềm kế toán	Hệ thống quản lý ISO 9001	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư trong ngày 01/01/2013	387.972.800	19.846.666	407.819.466
Giảm khác		(19.846.666)	(19.846.666)
Số dư ngày 31/12/2013	387.972.800		387.972.800
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư ngày 01/01/2013	387.972.800	19.846.666	407.819.466
Khấu hao trong năm			
Giảm khác		(19.846.666)	(19.846.666)
Số dư ngày 31/12/2013			387.972.800
<b>Giá trị còn lại</b>			
Ngày 01/01/2013			
Ngày 31/12/2013			

(\*) Giảm khác là những TSCĐ có nguyên giá dưới 30 triệu đồng được phân loại lại theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

### 8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Mua sắm tài sản cố định – Dự án KCN Hà Nam	1.677.860.140	2.292.286.499
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>15.611.441.441</b>	<b>7.120.005.528</b>
Khu công nghiệp Ngọc Hồi – Dự án Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	1.792.522.400	1.792.522.400
Chi phí xây dựng văn phòng chi nhánh Hà Nam	776.946.383	944.034.395
Hệ thống máy móc Hà Nam	13.041.972.658	340.502.114
Nâng cấp hệ thống nhà xưởng		4.035.256.619
Chi phí làm hầm lên xuống hàng bạt Hiflex		7.690.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.289.301.581</b>	<b>9.412.292.027</b>

### 9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

	01/01/2013	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2013
Nguyên giá	3.421.783.900			3.421.783.900
Quyền sử dụng đất	3.421.783.900			3.421.783.900
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>136.871.356</b>	<b>68.435.678</b>		<b>205.307.044</b>
Quyền sử dụng đất	136.871.356	68.435.678		205.307.044
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>3.284.912.544</b>			<b>3.216.476.856</b>
Quyền sử dụng đất	3.284.912.544			3.216.476.856

### 10. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Quyền sử dụng đất có thời hạn	9.579.744.856	9.781.429.174
Công cụ dụng cụ	4.170.141.833	4.080.357.603
<b>Cộng</b>	<b>13.749.886.689</b>	<b>13.861.786.777</b>

### 11. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>283.633.438.854</b>	<b>223.303.930.327</b>
Ngân hàng TMPC Quân đội -VND(1)	177.827.396.816	179.882.717.735
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - VND(2)	63.280.425.696	43.421.212.592
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam –VND(3)	9.977.838.666	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	32.547.777.676	
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>		<b>85.649.000</b>

Vay dài hạn đến hạn phải trả	85.649.000
Vay ngân hàng TMCP Quân đội	85.649.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>283.633.438.854 223.389.579.327</b>

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo các hợp đồng:

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 159.13.004.369260.TD.DN ngày 14/5/2013, hạn mức 25.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và máy móc thiết bị với tổng giá trị tài sản thế chấp là 303.749.000.000 đồng.

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội theo hợp đồng 161.13.004.467484.TD.DN ngày 14/5/2013 với ngân hàng TMCP Quân đội - CN Tây Hồ với hạn mức tối đa là 125.000.000.000 đồng. Mục đích khoản vay bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cố định hoặc thả nổi được quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ. Thời hạn 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của khoản vay. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp giữa Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á, Công ty TNHH Nhựa Đông Á và Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam.

(2) Vay Ngân hàng Ngoại thương Chi nhánh Hoàn Kiếm theo các hợp đồng: Hợp đồng tín dụng số HKI/HĐTĐ/12063 ngày 09/07/2012 giữa Công ty với Ngân hàng Ngoại thương - Chi nhánh Hoàn Kiếm. Hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng. Lãi suất vay của VND là 13,5%/năm và của USD là 7,3%/năm, thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày nhận nợ, mục đích vay theo từng lần cấp tín dụng, tài sản đảm bảo là hệ thống máy móc, thiết bị, lưỡi phay để sản xuất, lắp ráp cửa UPVC được lắp đặt tại Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á, và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 167, tờ bản đồ số 50 tại địa chỉ lô 36 đường Tân Tạo, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh.

(3) Khoản vay Ngân hàng Shinhanbank theo hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDH/2013/069 ngày 26/6/2013, hạn mức tín dụng là 10.000.000.000 đồng, mục đích vay dùng để tài trợ vốn lưu động, mở và thanh toán L/C trả ngay và trả chậm, lãi suất là lãi suất cơ bản tiền Việt Nam đồng do ngân hàng Nhà nước quy định + 2% một năm, tài sản đảm bảo là hàng tồn kho tại kho của Công ty TNHH Nhựa Đông Á, địa chỉ tại Khu Công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

(4) Khoản vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo hợp đồng:

Hợp đồng số 01/2013-HĐTĐHM/NHCT126-TNHHNHUADONGA ngày 12/8/2013 với hạn mức tối đa là 35.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày 12/8/13 đến 22/7/14. Mục đích khoản vay bổ sung vốn lưu động. Lãi suất theo từng khế ước nhận nợ. Lãi suất tại ngày ký hợp đồng là 10%/năm áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng. Lãi suất được điều chỉnh 1 tháng 1 lần. Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ, tối đa không quá 4 tháng.

Hợp đồng số 01/2013-HĐTDHM/NHCTT126-TNHHSMW ngày 12/8/2013 với hạn mức tối đa là 10.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày 12/8/2013 đến 22/7/2014. Mục đích khoản vay bổ sung vốn lưu động. Lãi suất theo từng kế ước nhận nợ. Lãi suất tại ngày ký hợp đồng là 10%/năm áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng. Lãi suất được điều chỉnh 1 tháng 1 lần. Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ, tối đa không quá 8 tháng.

## 12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế GTGT đầu ra	1.043.083.963	699.832.832
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		225.485.958
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu		72.672.703
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.855.294.748	6.327.524.338
Thuế thu nhập cá nhân	1.156.514.762	797.225.775
	1.598.779.365	
	3.298.647	
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.656.971.485</b>	<b>8.122.741.606</b>

## 13. Chi phí phải trả

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng Hà Nam	1.120.720.048	840.528.016
Chi phí phải trả thuê văn phòng	1.261.400.000	
Chi phí phải trả khác	96.919.283	8.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.479.039.331</b>	<b>848.528.016</b>

## 14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tài sản thừa chờ xử lý	1.233.351.578	247.373.913
Kinh phí công đoàn	292.177.432	34.911.040
Bảo hiểm xã hội, y tế	1.004.635.282	266.058.580
Bảo hiểm thất nghiệp	126.220.094	89.211.202
Phải trả, phải nộp khác	17.878.311.326	11.345.450.178
<i>Ông Nguyễn Bá Hùng</i>	<i>6.126.320.750</i>	<i>2.299.500.000</i>
<i>Công ty TNHH TMDV Hùng Phát</i>	<i>4.864.895.750</i>	<i>4.049.500.000</i>
<i>Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Tam Sơn</i>	<i>1.911.250.000</i>	
<i>Phải trả phải nộp khác</i>	<i>4.975.844.826</i>	<i>4.996.450.178</i>
<b>Tổng cộng</b>	<b>20.534.695.712</b>	<b>11.983.004.913</b>

## 15. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>17.183.063.293</b>	<b>24.284.503.130</b>
Ngân hàng TMCP Quân đội (1)	17.183.063.293	24.284.503.130
VND	8.808.328.321	10.323.919.848
USD	8.374.734.972	13.960.583.282
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>12.024.162.298</b>	<b>9.621.604.570</b>
Công ty CP cho thuê tài chính NH Ngoại thương (2)	6.327.428.798	9.621.604.570
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (3)	5.696.733.500	
<b>Trái phiếu phát hành</b>	<b>53.500.000.000</b>	<b>53.500.000.000</b>
Công ty liên doanh Shide Việt Nam	13.500.000.000	13.500.000.000
Japan South East Asia Growth Fund L.P.	40.000.000.000	40.000.000.000
<b>Cộng</b>		

(1) Là khoản vay theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 113.09.004.369260.TD giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch Hà Nội ngày 24/11/2009. Ngày trả nợ cuối cùng là ngày 13/01/2013 với lãi suất thả nổi của khoản vay tại thời điểm giải ngân là 6,5%/năm.
- Hợp đồng tín dụng số 203.10.004.369260.TD giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch Hà Nội ngày 20/08/2010. Số tiền vay theo hợp đồng là 169.330 USD, gốc thanh toán định kỳ 3 tháng một lần kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2010. Ngày trả nợ cuối cùng là 36 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, với lãi suất thả nổi của khoản vay tại thời điểm giải ngân là 6,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho chậm luân chuyển trị giá 70.000.000.000 VND và hai (02) dây chuyền máy đùn thanh Profile theo hợp đồng ngoại thương số DA-DONGXU 10.01 ngày 20 tháng 05 năm 2010. Theo Hợp đồng tín dụng số 284.10.004.369260.TD giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch Hà Nội ngày 22/10/2010. Ngày trả nợ cuối cùng là 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên ( ngày 28/10/2015) với lãi suất thả nổi tại thời điểm giải ngân 6,8%/năm. Khoản vay này được thế chấp bằng hệ thống nhà xưởng, máy móc, hàng tồn kho luân chuyển và máy móc thiết bị với tổng trị giá là 132.375.000.000 VND.
- Hợp đồng tín dụng số 271.12.004.369260.TD.DN ngày 5/12/2012, thời hạn vay từ 8/10/2012 đến 8/10/2016, lãi suất 17,5%/năm, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất 960 m2 tại thửa đất số GD1-9 và GD1-10 cụm công nghiệp Ngọc Hồi, Thanh Trì, HN theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 916778 ngày 16/9/2010 với giá

trị 13.440.000.000 đồng, 02 dây chuyền sản xuất thanh Profile trị giá 4.506.040.000 VND, 01 máy trộn giá trị 18.164.190.000 đồng.

(2) Hợp đồng Thuê tài chính giữa Công ty với Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ngày 28/05/2010, tổng giá trị 157.872 USD, thời hạn thuê là 50 tháng, lãi suất cho thuê bằng lãi suất cơ bản do Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố cộng biên độ 0,25%/tháng. Tài sản thuê tài chính là Dây chuyền sản xuất cửa hợp kim nhôm vách dựng đã được Công ty chuyển giao cho Công ty con là Công ty TNHH Smartwidow Việt Nam.

(3) Thuê tài chính theo hợp đồng cho thuê tài chính số 2013-00128-000 và số 2013-00129-000 với Công ty TNHH cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam về thuê máy ép thanh nhựa, máy lạnh - tháp tản nhiệt-máy bơm với thời hạn thuê 60 tháng, lãi suất thuê 10,5%/năm và có thể được điều chỉnh trong suốt thời gian thuê. Tiền thuê được thanh toán trước mỗi tháng. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê sẽ được mua lại thiết bị với giá trị bằng 0,5% giá mua.

(4) Theo hợp đồng mua bán trái phiếu chuyển đổi ngày 20/12/2012, lãi suất thấp hơn 3% lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định và tối thiểu là 3%, thời gian chuyển đổi là 3 năm kể từ ngày phát hành trái phiếu chuyển đổi.

#### 16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế		46.784.795
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	26.700.788	
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>26.700.788</b>	<b>46.784.795</b>

#### 17. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty CP Xây dựng số 1 Hà Nội	65.895.727	2.195.912.413
Công ty Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp – XNXD số 5		272.727.273
Công ty CP ĐT XD và KD nhà Sài Gòn		726.571.382
<b>Cộng</b>	<b>65.895.727</b>	<b>3.195.211.068</b>

## 18. Vốn chủ sở hữu

### a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư tại ngày 01/01/2012</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>4.050.000.000</b>			<b>15.032.243.540</b>	<b>145.842.307.290</b>
Tăng vốn trong năm trước	12.500.000.000					12.500.000.000
Lãi trong năm trước					23.891.695.016	23.891.695.016
Tăng khác					(12.500.000.000)	(12.500.000.000)
Trích các quỹ					(1.137.622.105)	(1.137.622.105)
Giảm khác				(210.000)	(1.234.959.467)	(1.235.169.467)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2012</b>	<b>137.500.000.000</b>	<b>4.050.000.000</b>	<b>(210.000)</b>		<b>24.051.356.984</b>	<b>167.361.210.734</b>
Lãi trong năm nay					26.764.532.296	26.764.532.296
Chia cổ tức					(19.112.470.809)	(19.112.470.809)
Trích lập các quỹ				1.184.077.133	(4.964.203.260)	(3.780.126.127)
Giảm khác					(2.762.638.121)	(2.762.638.121)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2013</b>	<b>137.500.000.000</b>	<b>4.050.000.000</b>	<b>(210.000)</b>	<b>2.944.140.883</b>	<b>23.976.577.091</b>	<b>168.470.507.974</b>

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty TNHH Thương mại Hùng Phát	34.999.250.000	31.812.000.000
Nguyễn Bá Hùng	44.074.250.000	40.067.500.000
Công ty Tam Sơn	13.750.000.000	12.500.000.000
Các cổ đông khác	44.676.500.000	40.620.500.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>137.500.000.000</b>	<b>125.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	137.500.000.000	125.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm		12.500.000.000
Vốn góp cuối năm		137.500.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>19.112.470.809</b>	<b>12.500.000.000</b>

**d. Cổ phiếu**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.750.000	13.750.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	13.750.000	13.750.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.750.000</i>	<i>13.750.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	21	21
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>21</i>	<i>21</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.749.979	13.749.979
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.749.979</i>	<i>13.749.979</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

**e. Các quỹ của công ty**

	01/01/2013	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2013
Quỹ đầu tư phát triển	3.303.953.122	1.336.300.172		4.640.253.294
Quỹ dự phòng tài chính	3.345.092.064	1.184.077.133		4.529.169.197
Quỹ khác thuộc vốn sở hữu	1.760.063.750	1.184.077.133		2.944.140.883
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.409.108.936</b>	<b>3.704.454.438</b>		

(\*) Mục đích trích lập các quỹ tại Công ty:

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sử dụng để bổ sung vốn Điều lệ của



Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại Điều lệ của Công ty.

- Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị (hoặc đại diện chủ sở hữu). Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong năm từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty.

## VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

### 19. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán thành phẩm	516.241.860.381	434.679.020.355
Doanh thu thi công công trình	80.097.173.214	128.162.605.665
Doanh thu bán hàng hóa	407.125.587.850	332.415.919.996
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.003.464.621.444</b>	<b>895.257.546.016</b>

### 20. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chiết khấu thương mại	2.004.821.134	1.005.400.694
Hàng bán trả lại	483.376.112	797.552.283
<b>Cộng</b>	<b>2.488.197.246</b>	<b>1.802.952.977</b>

### 21. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu thuần bán thành phẩm	513.753.663.135	433.033.406.789
Doanh thu thuần thi công công trình	80.097.173.214	128.005.266.254
Doanh thu thuần bán hàng hóa	407.125.587.850	332.415.919.996
<b>Cộng</b>	<b>1.000.976.424.198</b>	<b>893.454.593.039</b>

### 22. Giá vốn hàng bán

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn bán thành phẩm	445.686.356.696	373.863.014.894
Giá vốn thi công công trình	67.747.750.329	96.472.516.995
Giá vốn bán hàng hóa	392.370.851.517	321.199.446.689
<b>Cộng</b>	<b>905.804.958.543</b>	<b>791.533.978.578</b>

### 23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi	44.100.060	80.964.074
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	469.282	
<b>Cộng</b>	<b>44.569.342</b>	<b>80.964.074</b>

#### 24. Chi phí tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí lãi vay	33.380.520.849	40.903.193.549
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	327.484.160	
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	337.565.930	
Chi phí tài chính khác		955.400.431
<b>Tổng cộng</b>	<b>34.045.570.939</b>	<b>41.858.593.980</b>

#### 25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	26.764.532.296	23.891.695.016
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	26.764.532.296	23.891.695.016
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.749.979	13.051.361
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.947	1.831

## 26. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính là sản xuất và mua bán các vật tư, thiết bị ngành nhựa, thi công các công trình dân dụng, công nghiệp. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

### Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013

	Sản xuất VND	Thương mại VND	Thi công công trình VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
<b>Tài sản</b>					
Tài sản bộ phận	298.647.558.545	348.739.731.664	278.985.051.762	(231.283.339.041)	695.089.002.930
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>	<b>298.647.558.545</b>	<b>348.739.731.664</b>	<b>278.985.051.762</b>	<b>(231.283.339.041)</b>	<b>695.089.002.930</b>
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả bộ phận	203.661.604.154	209.320.775.335	237.669.929.654	(133.203.236.678)	517.449.072.465
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>	<b>203.661.604.154</b>	<b>209.320.775.335</b>	<b>237.669.929.654</b>	<b>(133.203.236.678)</b>	<b>517.449.072.465</b>

### Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2013

	Sản xuất VND	Thương mại VND	Thi công công trình VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
<b>Tài sản</b>					
Tài sản bộ phận	252.536.059.673	525.238.723.295	293.972.507.743	(437.608.238.491)	634.139.052.220
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>	<b>252.536.039.673</b>	<b>525.238.723.295</b>	<b>293.972.507.743</b>	<b>(437.608.238.491)</b>	<b>634.139.052.220</b>
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả bộ phận	169.423.931.308	383.917.684.152	246.318.834.768	(339.531.653.928)	460.128.796.300
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>	<b>169.423.931.308</b>	<b>383.917.684.152</b>	<b>246.318.834.768</b>	<b>(339.531.653.928)</b>	<b>460.128.796.300</b>

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013**

	Sản xuất VND	Thương mại VND	Thi công công trình VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	540.276.130.899	208.459.404.260	355.070.851.049	(102.829.962.009)	1.000.976.424.198
Doanh thu hoạt động tài chính	12.960.207	21.157.825.246	4.226.530	(21.130.442.641)	44.569.342
Chi phí sản xuất kinh doanh	509.937.369.046	212.257.955.886	351.724.130.842	(102.829.962.009)	971.089.493.764
- Giá vốn hàng bán	472.208.824.460	204.853.946.038	331.572.150.054	(102.829.962.009)	905.804.958.543
- Chi phí tài chính	24.275.053.269	804.476.449	8.966.041.221		34.045.570.939
- Chi phí bán hàng	6.113.320.073	2.212.152.278	5.888.326.881		14.213.799.232
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.340.171.244	4.387.381.121	5.297.612.686		17.025.165.051
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>30.351.722.060</b>	<b>17.359.273.620</b>	<b>3.350.946.737</b>	<b>(21.130.442.641)</b>	<b>29.931.499.775</b>
<b>Lỗ trong công ty liên kết, liên doanh</b>					
Lợi nhuận khác	325.217.403	(67.499.803)	320.478.226		578.195.826
<b>Lợi nhuận (lỗ) trước thuế</b>	<b>30.676.939.463</b>	<b>17.291.773.817</b>	<b>3.671.424.963</b>	<b>(21.130.442.641)</b>	<b>30.509.695.601</b>

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012**

	Sản xuất VND	Thương mại VND	Thi công công trình VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	434.904.798.581	226.249.257.839	324.759.216.502	(92.458.949.883)	893.454.593.039
Doanh thu hoạt động tài chính	38.636.010	14.565.383.518	3.877.168	(14.526.932.622)	80.964.074
Chi phí sản xuất kinh doanh	414.366.358.114	228.498.437.340	315.862.873.514	(92.616.289.294)	866.111.379.674
- Giá vốn hàng bán	375.733.406.686	220.448.951.738	287.967.909.448		791.533.978.578
- Chi phí tài chính	26.659.458.435	3.103.453.697	12.095.681.848	(92.616.289.294)	41.858.593.980
- Chi phí bán hàng	6.181.577.942	2.670.288.891	9.817.214.587		18.669.081.420
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.791.915.051	2.275.743.014	2.982.067.631		14.049.725.696
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>20.577.076.477</b>	<b>12.316.474.017</b>	<b>8.900.220.156</b>	<b>(14.369.593.211)</b>	<b>27.424.177.439</b>
<b>Lỗ trong công ty liên kết, liên doanh</b>					
Lợi nhuận khác	129.049.658	73.464.125	229.989.831		432.503.614
<b>Lợi nhuận (lỗ) trước thuế</b>	<b>20.706.126.135</b>	<b>12.389.938.142</b>	<b>9.130.209.987</b>	<b>(14.369.593.211)</b>	<b>27.856.681.053</b>

## 27. Công cụ tài chính

### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.11 và V.15, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ cộng với lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh phần IV.

### Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.301.958.353	35.289.510.012
Phải thu khách hàng và phải thu khác	108.349.633.710	137.890.414.039
<b>Tổng cộng</b>	<b>123.651.592.063</b>	<b>173.179.924.051</b>
<b>Công cụ nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	366.340.664.445	310.795.687.027
Phải trả người bán và phải trả khác	75.551.519.047	106.225.624.815
Chi phí phải trả	2.479.039.331	848.528.016
<b>Tổng cộng</b>	<b>444.371.222.823</b>	<b>417.869.839.858</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

#### **Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

#### **Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty có giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Đô la Mỹ (USD)	42.145.732.281	19.239.797.527	41.039.853	16.370.662

#### **Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

#### **Quản lý rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của Công ty vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

#### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoạt động tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

#### **Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự

phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính chi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	75.446.519.047	105.000.000	75.51.519.047
Chi phí phải trả	2.479.039.331		2.479.039.331
Các khoản vay	283.633.438.854	82.707.225.591	336.340.664.445
01/01/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	106.120.624.815	105.000.000	106.225.624.815
Chi phí phải trả	848.528.016		848.528.016
Các khoản vay	223.389.579.327	87.406.107.700	310.795.687.027

Ban lãnh đạo Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban lãnh đạo tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi suất từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.301.958.353		15.301.958.353
Phải thu khách hàng và phải thu khác	108.349.633.710		108.349.633.710
01/01/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.289.510.012		35.289.510.012
Phải thu khách hàng và phải thu khác	137.890.414.039		137.890.414.039

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TIỀN TỆ HỢP NHẤT.

**28. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng**

Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
-----------------	-----------------



Tăng vốn do chi trả cổ tức bằng cổ phiếu thưởng		12.500.000.000
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản vay	28.993.757	591.190.463

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Thông tin về các bên liên quan

#### 1.1 Giao dịch với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Bán hàng</b>			
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đông sáng lập	140.905.546.148	83.169.544.424
Công ty TNHH TM và SX Tam Sơn	Cổ đông chiến lược	3.483.626.365	73.432.397.370
<b>Mua hàng</b>			
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đông sáng lập	27.329.985.624	49.710.909.491
Công ty TNHH TM và SX Tam Sơn	Cổ đông chiến lược	272.354.890.596	355.212.815.402

#### 1.2 Số dư với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Các khoản phải thu</b>			
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đông sáng lập	28.377.859.494	1.435.621.440
Công ty TNHH TM và SX Tam Sơn	Cổ đông chiến lược	18.904.008.699	10.051.431.465
<b>Các khoản phải trả</b>			
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đông sáng lập	13.709.958.058	6.463.473.503
Công ty TNHH TM và SX Tam Sơn	Cổ đông chiến lược	1.911.250.000	2.299.500.000
Phải trả khác			
Ông Nguyễn Bá Hùng	Cổ đông sáng lập	6.126.320.750	2.299.500.000

#### 1.3 Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lương và các khoản thu nhập khác	999.413.046	958.208.955
<b>Tổng cộng</b>	<b>999.413.046</b>	<b>958.208.955</b>

### 2. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam

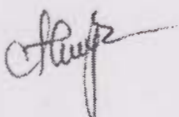
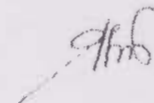
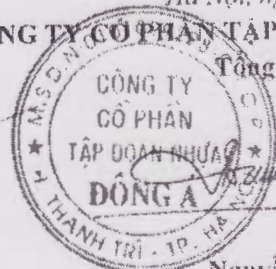
Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG A

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Thủy

Phan Thị Lua

Nguyễn Bá Hùng

## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### 1. Cơ cấu tổ chức Công ty:



### TỔ CHỨC CÔNG TY MẸ





## 2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có 01 Tổng Giám đốc, 01 Phó Tổng Giám đốc thường trực và 02 Phó Tổng Giám đốc kiêm giám đốc điều hành các công ty con.

Tổng Giám đốc là người được ủy quyền của Chủ tịch công ty đại diện trước pháp luật để điều hành Công ty.

Ban Tổng Giám đốc của DAG trong năm 2013 bao gồm :

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Bá Hùng	Tổng Giám đốc điều hành
2	Ông Nguyễn Phú Thắng	PTGD Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á kiêm Giám đốc nhà máy – Công ty TNHH Nhựa Đông Á
3	Ông Nguyễn Việt Sơn	PTGD Công ty CPTĐ Nhựa Đông Á kiêm Giám đốc nhà máy Công ty TNHH SMW

### **Ông NGUYỄN BÁ HÙNG- Tổng giám đốc điều hành**

Ông Nguyễn Bá Hùng là cử nhân kinh tế trường Đại học Thương mại Hà Nội. Ông từng tham gia nhiều khóa học của Phòng thương mại công nghiệp Việt Nam phối hợp với các tổ chức đào tạo quốc tế thuộc các chương trình do Chính Phủ Nhật Bản triển khai ...;

Ông Nguyễn Bá Hùng với trên 10 năm kinh nghiệm gắn bó, xây dựng, định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Đồng thời, ông cũng là người đồng sáng lập cũng như triển khai thị trường của thương hiệu Nhựa Đông Á.

Bằng khả năng quyết đoán trong năm qua, ông Nguyễn Bá Hùng đã góp phần không nhỏ trong điều hành hoạt động của Tập đoàn Nhựa Đông Á theo đúng hướng và vượt kế hoạch của Hội đồng quản trị đề ra. Lần đầu tiên doanh thu của tập đoàn vượt mức 1.000 tỷ đồng.

### **Ông NGUYỄN PHÚ THẮNG - Phó Tổng Giám đốc – Kiêm GD nhà máy Công ty Nhựa Đông Á – Hà Nội**

Ông Nguyễn Phú Thắng là cử nhân chế tạo máy trường Đại học Bách Khoa;

Ông Nguyễn Phú Thắng có trên 10 năm tham gia công tác điều hành sản xuất từ ngày đầu tiên phát triển thương hiệu Nhựa Đông Á. Với nhiều sản phẩm mũi nhọn được giao cho NĐA, bằng kinh nghiệm và bề dày hoạt động, Ông Nguyễn Phú Thắng sẽ trực tiếp điều hành và quản lý vùng thị trường Hà Nội và các vùng phụ cận với hệ thống sản phẩm đa dạng của Tập đoàn Nhựa Đông Á.

### **Ông NGUYỄN VIỆT SƠN Phó Tổng Giám đốc – Kiêm Giám đốc nhà máy Công ty Smartwindow Việt Nam**

Ông Nguyễn Việt Sơn là cử nhân Kỹ sư cơ khí, tốt nghiệp tại Nhật Bản

Ông Nguyễn Việt Sơn có trên 6 năm kinh nghiệm trong công tác quản lý nhà máy tại các Công ty sản xuất hàng đầu tại Nhật Bản. Từ đầu năm 2010, Ông Nguyễn Việt Sơn đảm nhiệm chức vụ Giám đốc nhà máy sản xuất Cửa Smartwindow, trực tiếp quản lý và kiểm soát hệ thống chất lượng sản phẩm, đặc biệt quan trọng khi SMW triển khai nhiều dự án lớn.

## 3. Số lượng CB-CNV và chính sách đối với người lao động

### 3.1. Số lượng Cán bộ - Công nhân viên

Tính đến ngày 31/12/2013, DAG có tổng cộng 490 CB-CNV. Trong đó tỷ lệ CB-CNV tốt nghiệp Đại học, trên Đại học đạt 30% và tỷ lệ lao động có trình độ tay nghề bậc 4/7 đạt 60% tổng số lao động phổ thông tại các KCN. Dự kiến, năm 2014, DAG tăng trưởng thêm 5% số lượng CBNV bổ sung cho tất cả các lĩnh vực của toàn tập đoàn,

### **3.2. Chính sách, chế độ đối với người lao động**

Một trong những trọng tâm phát triển của DAG là thu hút, đào tạo và tạo sự gắn kết lâu dài của CB-CNV với Công ty. Trên cơ sở đó, DAG thực hiện những chính sách đào tạo và các chế độ khen thưởng, phụ cấp ... dựa trên mô tả công việc, chú trọng áp dụng các kiến thức, kinh nghiệm, thực hành thực tế phối hợp với hệ thống phân loại, hệ thống đánh giá CB-CNV một cách đồng bộ và bài bản.

Tổ chức thăm dò tín nhiệm đội ngũ kế thừa các cấp để tạo nguồn nhân sự kế thừa một cách kịp thời.

#### **3.2.1. Chính sách đào tạo**

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là một trong các công tác nhân sự hàng đầu của DAG. Chính sách đào tạo của DAG có mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ CBCNV chuyên nghiệp, thành thạo về nghiệp vụ trong sản xuất – kinh doanh, giữ gìn đạo đức trong kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp.

Mỗi cá nhân CB-CNV làm việc tại DAG đều có cơ hội tiếp cận với các khóa đào tạo về tay nghề và bồi dưỡng kiến thức theo quy định của Công ty. Ngoài ra, trong từng thời kỳ, DAG đều tổ chức và đài thọ chi phí cho các khóa đào tạo ngắn/dài hạn hướng tới nâng cao năng lực và đào tạo chuẩn hóa đội ngũ đáp ứng thời kỳ đổi mới và phát triển.

#### **3.2.2. Công tác thi đua, sáng kiến cải tiến**

+ Công tác thi đua hoàn thành nhiệm vụ được tổ chức thành 3 đợt trong năm. Thi đua giữa cá nhân với cá nhân, giữa các tổ đội sản xuất, giữa các bộ phận với nhau nhằm hoàn thành trước kế hoạch được giao

+ Thường xuyên tổ chức những thi đua đưa ra các sáng kiến cải tiến tiết kiệm chi phí, tiết kiệm sức lao động dù là nhỏ nhất, và có những động viên khích lệ kịp thời.

+ Trong năm, Tập đoàn còn tổ chức cuộc thi tìm hiểu về thương hiệu DAG, về các thương hiệu sản phẩm nhằm gắn kết người lao động với công ty.

#### **3.2.3. Công tác đảm bảo an toàn lao động trong sản xuất**

Trong năm DAG đã đưa chuẩn chương trình bảo đảm an toàn sản xuất áp dụng đồng bộ cho 3 nhà máy

+ Tổ chức huấn luyện cho hơn 380 người về công tác an toàn vệ sinh lao động trong sản xuất

+ Huấn luyện và đào tạo về công tác sơ cứu, cấp cứu

+ Huấn luyện công tác phòng cháy chữa cháy.

+ Cung cấp đầy đủ các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, các trang thiết bị bảo hộ cho người lao động tại các nhà máy.

#### **3.2.4. Chính sách lương, thưởng**

Duy trì ổn định mức thu nhập và công việc làm đối với gần 500 CBCNV trong năm qua là mục tiêu quan trọng của DAG. Ngoài ra, DAG đảm bảo chế độ khen thưởng cho CBCNV theo quy định của Luật lao động

và tổ chức nhiều phong trào phát động thi đua trong toàn hệ thống. Hàng năm, DAG đều đặn tổ chức sơ kết, tổng kết thi đua nhằm khen thưởng kịp thời CBCNV có thành tích xuất sắc

### **3.2.5. Phúc lợi và văn hóa doanh nghiệp**

Ngoài việc thực hiện chính sách phúc lợi của Nhà nước, DAG còn có chương trình thưởng định kỳ vào các dịp lễ (Tết nguyên đán, 30/4, 08/03, 20/10 ...), bảo hiểm thân thể 100% cho đội ngũ lắp đặt, tổ chức bếp ăn tập thể tại các nhà máy sản xuất và bảo hộ lao động cho hệ thống công nhân sản xuất.

Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể công nhân viên, đặc biệt là cán bộ nữ.

Song song đó, DAG định kỳ đều tổ chức và duy trì các hoạt động mang tính chất văn hóa doanh nghiệp như: tổ chức giao lưu văn nghệ, tham quan, nghỉ mát, tổ chức các hoạt động hè cho con em CBCNV ... nhằm gắn kết các cá nhân trong hệ thống và đáp ứng đời sống tinh thần cho CBCNV.

## HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT

### 1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị. Ban Kiểm soát

#### Thành phần của HĐQT:

HĐQT Công ty gồm 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, bao gồm: Chủ tịch HĐQT và các Ủy viên HĐQT. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý và chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Hiện tại, HĐQT Công ty có nhiệm kỳ là 05 năm với danh sách cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Bá Hùng	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Trần Thị Lê Hải	Phó chủ tịch HĐQT
3	Bà Nguyễn Thị Tính	Thành viên HĐQT
4	Ông An Quang Hiếu	Thành viên HĐQT
5	Ông Ito Junichi	Thành viên HĐQT

#### Thành phần của Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Phan Việt Hùng	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Phạm Thị Thúy Hà	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Ông Phạm Thế Hoàng	Thành viên Ban Kiểm soát

### 2. Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2013

Căn cứ điều lệ Công ty và nhu cầu thực tế, hàng quý, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức họp nhằm thông qua kết quả và phương hướng triển khai cho giai đoạn tiếp theo. Trong năm 2013, bằng các hoạt động tích cực, Hội đồng quản trị đã ban hành 07 nghị quyết, quyết định điều chỉnh hợp lý nhằm tăng cường hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư xây dựng cơ bản, giám sát hoạt động đối với Ban điều hành và các quyết định liên quan đến phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, thông qua định hướng chiến lược kinh doanh năm 2013, quyết định giải thể công ty con khi điều kiện về ưu đãi thuế không phù hợp, thống nhất việc bổ nhiệm và miễn nhiệm các chức danh quản lý chủ chốt của tập đoàn, thông qua thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013, và thống nhất tất cả nội dung tài liệu đại hội.

#### Hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty năm 2013

Ban Kiểm soát là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Hiện tại, Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra và bãi miễn. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 05 năm.

Ban Kiểm soát Công ty thực hiện nhiệm vụ chính là giám sát hoạt động quản trị và điều hành của các thành viên HĐQT và Ban điều hành Công ty. Trong năm qua, thông qua sự hướng dẫn và chỉ đạo của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát nội bộ Công ty đã hoạt động có hiệu quả với việc tăng cường công tác tư vấn hoàn thiện quy trình/quy chế quản trị, kiểm toán nội bộ, tính tuân thủ nhằm phòng ngừa rủi ro, gian lận trong hoạt động.

### 3. Thù lao và các khoản thu nhập khác của thành viên HĐQT và BKS Công ty

#### Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Tổng thù lao năm 2013 (VND)
1	Ông Nguyễn Bá Hùng	475,200,000
2	Bà Trần Thị Lê Hải	39,600,000
3	Bà Nguyễn Thị Tính	11,000,000
4	Ông Ito Junichi	11,000,000
5	Ông Nguyễn Phú Thắng	11,000,000

#### Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Tổng thù lao năm 2013 (VND)
1	Ông Phan Việt Hùng	14,080,000
2	Ông Phạm Thế Hoàng	10,560,000
3	Bà Phạm Thị Thúy Hà	10,560,000



## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (17/03/2014)

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
1	<b>Cổ đông Nhà nước</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
2	<b>Hội đồng quản trị</b>	<b>5.063.575</b>	<b>50.635.750.000</b>	<b>36,83</b>
-	Nguyễn Bá Hùng – Chủ tịch	4.407.425	44.074.250.000	32,05
-	Trần Thị Lê Hải – Phó Chủ tịch	88.000	880.000.000	0,64
-	Nguyễn Thị Tính – Thành viên	18.150	181.500.000	0,13
-	An Quang Hiếu - Thành viên	0	0	0
-	Ito Junichi – Thành viên	550.000	5.500.000.000	4
3	<b>Ban kiểm soát</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Phan Việt Hùng – Trưởng ban	0	0	0
-	Phạm Thế Hoàng – Thành viên	0	0	0
-	Phạm Thị Thúy Hà – Thành viên	0	0	0
5	<b>Ban điều hành</b>	<b>145.200</b>	<b>1.452.000.000</b>	<b>1,06</b>
-	Nguyễn Bá Hùng – Tổng Giám đốc	4.407.425	44.074.250.000	32,05
-	Nguyễn Việt Sơn – Phó Tổng Giám đốc	0	0	0
-	Phan Thị Lụa – Kế toán trưởng	0	0	0
6	<b>Cổ đông sáng lập</b>	<b>7.925.500</b>	<b>79.255.000.000</b>	<b>57,64</b>
-	Nguyễn Bá Hùng	4.407.425	44.074.250.000	32,05
-	Công ty TNHH TM&DV Hùng Phát	3.499.925	34.999.250.000	25,45
-	Nguyễn Thị Tính	18.150	181.500.000	0,13
7	<b>Cổ đông lớn</b>	<b>9.282.350</b>	<b>92.823.500.000</b>	<b>67,51</b>
-	Nguyễn Bá Hùng	4.407.425	44.074.250.000	32,05
-	Công ty TNHH TM&DV Hùng Phát	3.499.925	34.999.250.000	25,45
-	Công ty TNHH TM&SX Tam Sơn	1.375.000	13.750.000.000	10
8	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>581.570</b>	<b>5.815.700.000</b>	<b>4,23</b>
-	Japan South East Asia Growth Fund L.P	550.000	5.500.000.000	4
-	Trần Lê Quân	24.200	242.000.000	0,18
-	Wataru Miyazawa	410	410.000	0
-	Park Jeong Kyu	14.200	142.000.000	0,1
9	<b>Cổ đông khác</b>	<b>3.772.690</b>	<b>37.726.900.000</b>	<b>27,43</b>
10	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>21</b>	<b>210.000</b>	<b>0</b>
11	<b>Tổng số cổ phiếu lưu hành</b>	<b>13.749.979</b>	<b>137.499.790.000</b>	<b>100</b>

